NĂM THỨ TƯ — Số 145 Thứ năm 8 Juin 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Nhân đọc truyện « Lã gia » — *Hoa-Bằng*
* Tự vị nên chua chữ « thà » vào chữ «chẳng» — *Nguyễn-văn-Tố*
* Văn học Việt-nam hiện đại (hết) — *Lê-Thanh*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXIV) — *Ứng-Hòe*
* Một quyển cổ-sử miền Tây-Á — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đại nam dật sự (XXXIII) Tăng-Cổn và họ Khúc — *Ứng-Hòe*
* Nam dàn bát châu thi thảo — *Tùng-Vân*
* Hùng tráng ca Việt-Nam và hùng tráng ca Âu-Tây — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Chảy cung Chương-Võ tiểu thuyết (hết) — *Chu-Thiên*

0$40

NHÂN ĐỌC TRUYỆN « LÃ GIA »

HOA-BẰNG

Lã (hoặc Lữ) Gia là người thế nào và việc làm của Gia ra sao, trên tờ *Tri-Tân* này, Ứng-Hòe tiên-sinh đã nói kỹ ở mục « Đại Nam dật sự », đăng số 104, ngày 22 juillet 1943.

Nay tôi xin tóm-tắt nhắc lại :

Nhà Hán bấy giờ muốn thôn tính nước Nam-việt, bèn sai An-quốc Thiếu-Quý sang dụ. Triệu Ai-vương và Cù-hậu (vợ Minh vương Anh-Tề, mẹ Ai-vương) vào chầu. (mậu thìn, 113 trước Tây-lịch).

Ai-vương còn nhỏ.

Cù-hậu, vốn người Tàu, lại tư thông với Thiếu-Quý : bướm cũ, hoa xưa.

Họ sửa-soạn đem bản đồ Nam-việt sáp nhập nhà Hán.

Lấy tư-cách một vị lão thần, ngăn vua và hậu không xuôi, Gia cùng với em, đem quân giết phăng Ai-vương và Cù-hậu luôn với Hán sứ.

Rồi Gia lập Kiến-Đức (con trưởng của Triệu Minh vương) làm vua, tức là Thuật-dương vương (canh ngọ, 111 tr. T. L.), đem binh đón đánh quân Hán, giết được Hàn Thiên-Thu.

Lại tỏ ra không chịu khuất phục nước địch, Gia sai gởi cờ sứ-tiết nhà Hán « ném » ra ngoài cửa ải và đem binh đóng giữ các nơi hiểm yếu.

Nhưng kết cuộc : cùng đường, kiệt sức, Lã Gia và Kiến-Đức đều bị nhà Hán bắt được cả.

***

Mới đây, có cuốn truyện *Lã-Gia* theo thể tiểu thuyết ra mắt độc-giả.

Bằng một lối văn bình-thường, tác-giả tuy không đạt được mục-đích của nghệ-thuật tiểu-thuyết lịch-sử, vì thiếu màu-sắc thời-đại, nhưng câu chuyện khảng-khái và tiết-liệt của kẻ cô-trung vẫn đáng được thanh-niên ngày nay suy-ngẫm.

Nhân đọc truyện *Lã-Gia* ấy, lại nhớ, cách đây, độ hơn 20 năm, trên tờ *Thực nghiệp dân báo*, tôi có viết một bài lạm bình về Lã Gia dưới cái biệt-hiệu « Việt sử thị ». Đại ý bài ấy : tôi hết sức bào-chữa Lã-Gia, cho những hành-vi của Gia đều tỏ được cái thủ-đoạn phi-thường ; người sau không nên vin vào cớ thành bại mà khắc trách được.

***

Có lẽ người sau cũng thấu rõ tâm-sự, thương nỗi cô trung của Gia, nên mấy làng ở vùng núi Côi thuộc Nam-định đều thờ Gia làm thần.

Một khi người ta đã sùng-bái ai thì thường tô-điểm cho người ấy trở nên một bậc « siêu phàm » : từ cái sống cho đến cái chết của người ấy đều có vẻ « thần-thánh » khác thường cả. Chả thế, ở vùng núi Côi ấy, đến nay dân-gian còn truyền lại câu này về cái « thần-thông biến-hóa » của Gia :

« *Làng Côi* (1) *thờ đầu,*
« *Làng Hầu* (2) *thờ cổ,*
« *Làng Hồ* (3) *thờ chân.* »

Đó vì người ta truyền rằng khi Lã-Gia bị quân Hán đuổi đến vùng làng Côi, dẫu đã bị chém, đầu còn hơi đính với cổ, thế mà Gia còn đủ « thần lực » giữ lấy thủ-cấp, cố chạy cho đến làng Hồ-sơn, rồi mới ngã vật xuống. Thế đủ biết, trong khi đầu óc người mình còn bị chi-phối dưới thần-quyền, truyện thần-thoại ấy đủ tỏ dân-gian tôn-sùng Lã-tướng đến chừng nào !

Chẳng những mấy làng trên đây đã hương-hoả đình-đới Lã tướng đến thế, mà ngay làng Thầy ở chân núi Sài-sơn thuộc phủ Quốc oai tỉnh Sơn-tây cũng chung một tâm-lý sùng-bái Lã Gia ấy. Cho nên, hiện nay dân-gian vùng Thầy vẫn kiêng cả tiếng « Lã » để tỏ ý kính-trọng. Vì trại tên « Lã » — nhưng kỳ thực « Lã » chỉ là họ — nên người ta kêu « nước *lã* » là « nước *lỡ* ».

Tương truyền : trên Sài-sơn (núi Thầy), trước cửa điện Khải-thánh trông ra, bên một ngọn núi bích-lập, có một khoảng phẳng rộng độ 1 sào ta. Cư-dân vẫn truyền ngôn rằng đó là nơi nhà đọc sách của Lã-Gia xưa. Xung quanh nhà sách có trồng trúc, nên về sau, người ta vẫn gọi chỗ đó là « Vườn trúc ».

Tôi nhớ trong *Sài-sơn thi lục*, tờ 46b-47a có bài thơ chữ hán, do thi-nhân nhân chơi *Vườn trúc* trên núi Thầy nhớ Lã tướng quốc mà làm ra :

« *Độc thư sơn sá, trúc phong thành.*
Thử địa thiên-thu Lã-tướng danh.

Ái quốc, tư điêu thần Hán vị ;
Tiêm Cù, nghĩa thủ tuyệt Khương kinh.
Kiến-nguyên vô-liệt làm phong chiếu !
Trần Lý nhung công thuộc ứng binh.
Thạch khiêu phong hào, thâm dạ ác :
Đương niên truyền hịch xuất quân thanh.»

(*Cúc-Hương — « Bộ Trúc viên hoài Lã tướng quốc »*)

讀書山舍竹風清
此地千秋呂相名
愛國思祧臣漢位
臧樛義取絕姜經
建元武烈慚封詔
陳李戎功屬應兵
石窾風號深夜惡
當年傳檄出軍聲

DỊCH

Nền còn, sách vắng, trúc vi-vu :
Lã-tướng, nơi đây, tiếng vạn thu...
Yêu nước, nhằng mong dai sống Triệu ;
Dứt Khương (4), theo nghĩa phải băm Cù !
Kiến-nguyên (5) thẹn chiếu khôn qua ải !
Trần Lý ra binh cũng chống thù.
Hang đá, canh khuya, gầm thét gió :
Tiếng đâu ? — Tiếng hịch xuốt quân xưa !

***

Cứ xét truyền thuyết và sự thờ cúng Lã-Gia như thế, đủ biết Lã tướng là một « nhân-vật lịch-sử » bấy lâu vẫn được đại chúng mến yêu. Mà truyện Lã-Gia giết sứ Hán, chống quân Tàu vẫn là một thiên mỹ đàm trên trang lịch-sử Nam-việt.

***

Để các bạn đọc biết sơ những lời mấy nhà sử-thần ta xưa phê-bình về Lã-Gia thế nào, tôi xin giới thiệu :

Với giọng nghiêm-khắc, sử-thần Lê Văn-Hưu (6) trách :

« Lã Gia can-ngăn Ai-vương và Cù Thái-hậu khiến đừng cầu làm chư-hầu của nhà Hán, đừng từ-bỏ quan-ải ở biên-cương ; có thể gọi là người biết trọng nước Việt. Nhưng, ngăn mà không nghe thì theo lẽ phải, Lã-Gia nên đem quần thần vào tận Triều-đình bày tỏ tận mặt về cái lợi hại : một đằng làm tôi nhà Hán, một đằng làm vua nước Việt, ngõ hầu Ai-vương và Thái-hậu có cảm-hóa mà giác-ngộ chăng. Nếu họ còn không chịu theo thì Gia nên nhận lỗi mà thoái vị. Bằng chẳng, thì theo việc cũ Y-Doãn, Hoắc-Quang đã làm, riêng lựa lấy người con của Minh-vương mà cho thay lên nối ngôi, khiến Ai-vương cũng như Thái-Giáp và Xương-ấp vương giữ toàn được tính mệnh thì lui tới đều không lỗi. Nay Lã-Gia đi thì vua để cho thỏa điều oán riêng, lại không hay cố chết để giữ nước khiến nước Việt phải tan rã mà làm tôi người Hán thì Lã-Gia không còn tránh đâu cho khỏi tội chết. »

***

Sử-gia sau đây lại còn thống-trách Lã-Gia không biết đỗ tiệm phòng vi đối với việc Cụ-hậu — Thiếu Quý :

«...Lã-Gia cáng-đáng một nước, việc trong, việc ngoài, há lại không dự biết sao ?... Bọn Gia dữ kỳ dập ngọn lửa trong lúc dương bốc cháy cả cánh đồng, sao bằng lấp trước cái mầm họa loạn ở lúc chưa nảy...» (Sử thần Ngô Sĩ Liên) (7).

***

Bằng giọng chặt chẽ hơn, nghiêm nhặt hơn, sử-thần Ngô-Thì-Sĩ (8) bàn rằng :

(*Xem tiếp trang 21*)

(1) *Bốn làng Côi : Côi-sơn, Văn-côi, Vân-côi và Mỹ-côi.*

(2) *Hào kiệt.*

(3) *Hồ-sơn.*

(4) *Kinh Xuân-thu nghiêm việc nam nữ hữu biệt, nên đối với Tề Khương là người gái góa mà hay quy ninh sau lúc cha mẹ đã mất cả thì Xuân-thu tất phải chép để tỏ ra không nên có sự đi lại như vậy.*

(5) *Niên hiệu vua Hán.*

(6) *Lê Văn Hưu người đời Trần, quán làng Phủ-lý, huyện Đông sơn, trấn Thanh-hoa, đỗ bảng-nhãn khoa đinh mùi (1247) niên hiệu Thiên-ứng-chính-bình, làm quan đến Binh-bộ thượng thư, Nhân uyên hầu, Hàn lâm-viện học sĩ, giám-tu Quốc-sử. Văn-Hưu sửa Đại Việt sử ký 30 quyển.*

(7) *Ngô Sĩ Liên, người đời Lê, quán làng Chúc-lý, huyện Chương-đức, trấn Sơn nam, đỗ đồng tiến-sĩ khoa nhâm tuất (1442) niên hiệu Đại-bảo, làm quan đến Lễ bộ tả thị lang kiêm Quốc sử quán tu soạn.*

(8) *Ngô Thì-Sĩ, hiệu Ngọ-phong cư-sĩ, cũng người đời Lê, quán làng Tả Thanh oai, huyện Thanh oai, trấn Sơn-nam, đỗ hoàng giáp khoa bính-tuất (1766) đời Cảnh-hưng, ra đốc trấn Lạng sơn, kiêm Quốc sử hiệu chính. Thì-Sĩ làm Việt sử tiêu-án.*

Tự-vị nên chua chữ « thà » vào chữ « chẳng »

(Trả lời báo Thanh niên — bài nối)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kỳ trước tôi đã nói quyển tự-vị của ông J. F. M. Génibrel (là quyển *Đại-Việt quốc-âm Hán-tự Pháp-thích tập thành, Dictionnaire annamite-français*) in ở Sài-gòn năm 1898 và quyển tự-vị của ông Gustave Hue (*Dictionnaire annamite chinois-français*) in ở Hà-nội năm 1937, hai quyển đều chép chữ «chẳng thà» cùng với chữ « thà » làm một, và đều dịch cả hai chữ là « đành thế còn hơn » (plutôt, mieux vaut, plutôt que de), — không dịch tách chữ « chẳng » là « không », « thà » là « đành thế » như tác-giả mục *Thấy đâu nói đó* của báo *Thanh niên*.

Lấy vài quyển tự-vị nữa ra xem thì:

1. — Quyển *Đại-Nam quốc-âm tự-vị hợp giải Đại-Pháp quốc-âm (Dictionnaire annamite-français, langue officielle et langue vulgaire)* của ông Jean Bonet in ở Paris năm 1899-1900, giảng chữ « thà » là « còn hơn » (plutôt, il vaut mieux que, il est préférable de), — và chép chữ « chẳng thà» liền với chữ « thà », mà cũng dịch nghĩa là « còn hơn » (plutôt que), thí dụ « Thà chịu nghèo cực, chẳng thà ăn ở xấu » (Il est préférable d'être dans la misère plutôt que de se mal conduire), nghĩa là đành chịu nghèo khổ, còn hơn là cư-xử không tốt để cầu sung-sướng ; « Thà cho người ở cho ấm-cúng, chẳng thà bỏ đất hoang ». (La bonté de l'homme importe plus que la richesse de la terre), nghĩa là để người ta ở cho đông-đúc vui-vẻ, còn hơn là bỏ không, nghĩa bóng là lòng người tốt còn hơn đất tốt.

Thế mà tác-giả bài *Thấy đâu...* của *Thanh niên* dám nói: « Như những câu tiên-sinh dẫn chứng trên đây thì rõ-ràng chữ « Thà » và « chẳng thà » không có một nghĩa với nhau được »! Có phải nhắm mắt cãi liều không?

2. — Tự-vị của ông P. — G. Vallot (*Petit dictionnaire annamite-français*) in ở Hà-nội năm 1904, và tự-vị của ông V. Barbier (*Dictionnaire annamite-français*) in lại lần thứ tư ở Hà-nội năm 1937, cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà », và cùng dẫn một câu thí-dụ na-ná như nhau, là câu « Thà chết, chẳng thà phạm tội » (préférer la mort au péché), nghĩa là đành chết còn hơn phạm tội.

3. — Quyển *Pháp-Việt tự-vị (Dictionnaire annamite-français à l'usage des élèves des écoles et des annamitisants)* của ông G. Cordier in ở Hà-nội năm 1930, không dẫn thí-dụ; nhưng cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà » và cắt nghĩa cả hai chữ là « còn hơn » (il vaut mieux, plutôt).

Thế mà tác-giả bài *Thấy đâu...* của *Thanh niên* cứ gân cổ cãi rằng: « Đâu có đồng một nghĩa với nhau »! Để rồi có thừa chỗ, tôi dẫn vài quyển tự-vị nữa.

Nay hằng nhắc lại một việc tôi đã nói từ năm 1931-1937 về bộ *Việt-nam tự-điển* trong báo *Đông-thanh* (số 16, 19, v. v.) và tập kỷ-yếu của Trường Bác-cổ (q. XXXI, v. v.), và Hội Trí-tri (q. VII, v. v.)

Tự-vị làm ra, cốt tìm cho dễ cho chóng ; những chữ kép, phải chua cho đủ để người tìm khỏi mất thì-giờ. Xưa nay quyển nào cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà » : thế là phải lắm, hợp nghĩa lắm, và càng rõ tác giả bài *Thấy đâu...* của *Thanh niên* hay cãi liều. Đối với những người như thế và những người mới tập tra tự-vị, nên thêm hai chữ « chẳng thà » vào chữ « chẳng » và chua câu « Xem chữ *thà* ».

Có lẽ các nhà làm tự-điển sợ thêm như thế thì sai mất nghĩa, nhưng tôi tưởng chỉ dẫn câu, không cắt nghĩa thì không ai lẫn được. Tự-điển Pháp thường chua vào chữ « chẳng » (1).

Giá tự-điển ta cũng theo lối ấy, thì tác-giả bài *Thấy đâu...* không đến nỗi cãi chày cãi cối rằng: « Nếu quả vì không biết « *tìm tòi suy nghĩ gì cả* » thời ắt đã không bao giờ tôi cố (!) đem vấn-đề nầy ra mà chất-vấn tiên-sinh ... » ! — Tìm tòi thế nào ? Dẫn *Từ-nguyên* thì nhầm nghĩa ! Dẫn tự-điển Génibrel thì bỏ chữ « chẳng thà » ! — Suy-nghĩ những gì ? « Nguyện bắn lỗ », « không nguyện làm đít con trâu », có phải không ?

Tác-giả kể một câu chuyện, trên nói như thế này : « Bên nhà

tôi (?) có một bà... bỗ (!) mỗi khi có ai làm phật ý bà, bà đến trước cửa nhà mắng ....». — Tôi tưởng-tượng bà đọc tờ *Thanh niên*, bà sẽ nói : « Ủa sao lần-thần thế ?... Nguyện bán lỗ !... Không nguyện làm dít con trâu ! Đâu có chuyện ngang như vầy ! » Bà đọc câu « Hơn nữa (?), là (!) một tờ báo thuộc về ngôn-luận, không phải như một quyển sách, trước sau chỉ có một người viết thôi, cho nên tác-giả bài nào chịu trách-nhiệm tư-tưởng (?) của mình trong bài ấy », — tất bà bĩu môi, nói rằng : « Sao mà rởm thế ? Nguyện bán lỗ, không nguyện làm dít con trâu, mà cũng dòi là tư-tưởng ! »

Phần bà « bên nhà » tác-giả như thế ; phần tôi, thì phải xóa hai chữ « hơn nữa », vì không thấy « hơn » gì đoạn trên, rồi chữa câu ấy như thế này : « Một tờ báo thuộc về ngôn-luận, không phải như một quyển sách, trước sau chỉ có một người viết (xóa chữ *thôi*), cho nên tác-giả bài nào chịu trách-nhiệm bài ấy. (xóa năm chữ *tư tưởng của mình trong*).

Còn phải chữa nhiều, nhưng chữa thế cũng đủ cho *Thanh niên* biết rằng cần phải đặt câu cho đúng mẹo, rồi hẳng đăng báo. Như câu : « Thế thì đâu phải tôi bỏ xẳng... cùng là (chữa là *và*) bạ đâu nói đó như tiên-sinh đã nghĩ *đâu* » : chữ « đâu » này chướng lắm, nên xóa đi (2).

Kể xóa thì còn nhiều : đến câu con-con cũng phải xóa, như đầu bài có câu : « Tôi có chất-vấn ông Nguyễn-văn-Tố về chữ *Thà* và *Chẳng thà* : Chữ *Chẳng* có nghĩa là không, vậy để *chẳng thà* là nói nghịch (!) với ý-muốn (!) của mình sao ? Chỉ có thế thôi ». — Nếu « chỉ có thế thôi », sao dưới lại nói : « Những điều tôi bắt bẻ tiên-sinh... » ? Có phải là « giấu đầu hở đuôi » không ? Mà hợm-hĩnh một cách dom-dở ! Chẳng thấy « bắt-bẻ » đâu, chỉ thấy bịa những chuyện « nguyện bán lỗ », « không nguyện làm dít con trâu », thật là vừa làm trò cười cho thiên-hạ, vừa làm sai cả nghĩa tiếng nước nhà ! Thế mà dám cầm bút viết báo ! Thảo-nào phương-ngôn có những câu chế giễu người học không thông, mà hay nói chữ, như câu « chẳng thà chịu mít đặc... còn hơn hay chữ lỏng » !

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Thí dụ quyển Dictionnaire général de la langue française *của ông A. Hatzfeld A. Darmesteter và A. Thomas. chép chữ* ne *(là chẳng) như sau này : « Adverbe explétif — 1. Avec les verbes qui expriment la crainte : Je crains qu'un songe ne m'abuse (Rac., Phèd., II, 2). Je tremble que sur lui votre juste colère Ne poursuive bientôt une odieuse mère (Ibid., II, 5) La reine de Cythère appréhendait qu'il ne lui fallût renoncer à l'empire de la beauté (La F., Psyché, 2). — 2. Avec les comparatifs d'inégalité. Plus amoureux que je ne le fus jamais (Rac., Bér., I, 4). Les batailles sont beaucoup moins sanglantes qu'elles n'étaient (Montesq., Lett. pers., 106). Je vous entends ici mieux que vous ne pensez (Rac., Mithr., II, 4). Je le souhaite ainsi plus que je ne l'espère (Corn., Cid, II, 3) Par analogie. Après autre, autre nent : On se voit d'un autre œil qu'on ne voit son prochain (La F., Fab., I, 7). Il agit autrement qu'il ne parle ».*

Cách dùng chữ ne *với chữ* douter *(nghi ngờ) đã đăng kỳ trước. Nay có mấy bạn đọc báo hỏi chữ* prendre garde *(khéo mà, giữ cho khỏi, đừng để cho), tôi lại lấy mẹo chép ra sau đây. Quyển F. Brunot,* La pensée et la langue *(trang 569) đại rằng : « Théoriquement : 1° Avec* que *et le subjonctif, le verbe signifie avoir soin que telle chose soit : Prenez garde, mon fils, que vous entendiez tout ce que vous faites. Cet emploi est aujourd'hui archaïque. — 2° Avec* que *et* ne, *l'expression signifie avoir soin que la chose ne soit pas : On m'a enchargé de prendre garde que personne ne me vit (Mol., G. Dand., I, 2) ; — Prends garde que jamais l'astre qui nous éclaire Ne te voie en ces lieux mettre un pied téméraire (Rac., Phèd., 1061). — 3° Avec un infinitif sans* ne, *il signifie s'efforcer d'éviter : Prends garde de tomber ; le peuple dit « de ne pas tomber ». — 4° Avec* ne pas, *le sens est avoir soin de ne pas Prends garde de ne t'enfler pas (Boss., His, II, 7, L.). Il y a dans toutes ces règles qui concernent* ne *beaucoup d'arbitraire... »*

2) Sở-dĩ chữa và xóa như thế là để cho tác-giả bài Thấy đâu... *của* Thanh niên *biết rằng cần phải luyện-tập nhiều lắm, mới có thể bàn đến những chữ thành-ngữ, như chữ « chẳng thà ». Câu văn của mình chưa gọn thì bề thế nào được câu văn của người ! Trên kia tôi đã nói nếu có rộng chỗ, nếu có nhiều bạn đọc báo hỏi cách dùng chữ* ne, *tôi sẽ nhân đấy chữa nốt cho* Thanh niên, *— trả lời cho độc-giả, — và bàn một vài vấn đề ngôn-ngữ, để bớt vẻ bút-chiến vô-vị.*

Un livre indispensable aux candidats :

CENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT

Par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng Instituteurs

(adoptée par la Commission des manuels Scolaires de l'Indochine)

Nouvelle édition Prix 1$50-Port 0$12 Recommandé : 0$42

Prière d'envoyer les timbres postes à la librairie

Đông Tây 195, rue du coton Hanoi

Văn học Việt-nam hiện đại

Số 5

LÊ-THANH

Đáng chú ý nhất, như đã nói trên, là việc cộng tác với ông Đông Châu trong hai bộ *Mạnh tử* và *Luận ngữ*. Sơ cảo đã đăng trong *Nam phong*, sau nầy đem in thành sách : Đầu sách có lời cần chỉ như sau này :

« Cái thời kỳ giáo dục của dân-tộc ta ngày nay, là cái thời kỳ nên xu-hướng về quốc văn, sách này.— cốt là lột lấy tinh thần trong chữ nho ra mà truyền sang chữ quốc ngữ khiến cho những người muốn cầu lấy đạo của thánh hiền, chỉ cầu ở trong văn quốc ngữ cũng đã có thể lĩnh hội được...»

Bộ Luận-ngữ dịch đến thiên *Hương đảng* độ thập. « Tôi tưởng, tiên sinh nói, sau này dịch tiếp cho xong toàn bộ, nhưng chẳng may công việc đang dở dang, tôi bị táng minh thành bỏ cả. (1)

Ông *Lệ-Thần Trần-trọng-Kim*.

Ông thuộc phái tây học, nhưng thiên về cổ học, trong công việc bàn giao cái hương hỏa tinh-thần, ông gánh cái trách-nhiệm ghi lại cho bọn tân học cái nghĩa của nho giáo.

Muốn hiểu cái mục-đích của ông không gì bằng nhắc lại đây một đoạn của câu chuyện ông đã cho tôi nghe cách đây hơn một năm :

« Kể từ đầu thế-kỷ, ở nước ta cũng như các nước khác ở Á-đông có cuộc xung đột lớn của hai nền văn hóa mới từ ở Âu-châu đưa vào.

« Kết cục của sự xung đột ấy, văn hóa của mình sụp đổ tan tác, rã rời... Người mình tựa như ngồi trên con thuyền không lái, về đời tinh-thần, không biết bấu víu vào đâu.

« Như vậy, một phần là do cái sức mạnh của văn hóa mới, một phần do sự lầm lạc trong học vấn của mình.

« Một người An-nam thuộc vào hạng học-thức là một môn đồ của Nho giáo. Tứ thư, Ngũ kinh thuộc lầu lầu, nhưng thuộc chưa chắc hiểu, nhất là cái tinh thần của nho giáo thì ít người chịu đi sâu vào nó để hiểu biết một cách tinh tường. Thành ra một nhà nho có khi chỉ nho ở cái áo khoác ngoài. Đến khi thấy một cái áo khoác ngoài có cái hình-thể khác, mới mẻ hơn, cứ việc cởi cái cũ của mình để khoác cái áo mới vào, không do dự, không nhớ tiếc...

« Tôi vừa phác qua cái tình cảnh của Nho-giáo ở xứ ta cách đây hai ba mươi năm. Tôi đã so-sánh văn hóa ấy với « một ngôi nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa sang để đến nỗi bị cơn gió bão đánh đổ bẹp xuống. Ngày nay dẫu có muốn dựng lại cũng không được vì người không có, mà của cũng không... Và thời thế đã xoay vần, cuộc đời biến đổi, người trong nước đang háo hức về sự bỏ cũ theo mới không ai nghĩ gì đến cái nhà ấy nữa.

« Song cái nhà cổ ấy tự nó là một cái bảo vật vô giá, không lẽ để nó đổ nát đi mà không tìm cách giữ lấy cái di tích. Không gì nữa thì ta cũng phải vẽ lấy cái bản đồ để người sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp đẽ là thế mà sau đổ nát là thế.

« Việc làm quyển sách nói về Nho-giáo tức là làm việc vẽ lấy cái bản đồ của Nho-giáo.

« Đáng lẽ là cái việc của những người đã sinh trưởng trong cái không-khí Nho-giáo, đã tiêm-nhiễm cái không-khí Nho-giáo. Nhưng khốn thay, người đời lãnh đạm, ai nấy thấy cái học cũ đã đổ nát thì thôi, không ai lưu ý đến nữa. Vậy chúng tôi vì chút lòng hoài cổ, không quản sự khó khăn, không sợ việc to lớn, đem cái sức nhỏ mọn ra mà làm...

« Sau này nếu nhờ cuốn sách của tôi mà có người biết cái tinh thần của xã-hội ta khi xưa bởi đâu mà sinh ra, và cái tinh thần ấy về sau tại sao mà hư hỏng đi, tưởng chúng tôi đã đạt được một phần mục đích vậy.» (2)

Về cuộc bàn giao trên này, ông Nguyễn bá-Trác diễn thuyết ở hội quán hội Trí-tri Hà-nội, nói rằng :

« Các ngài cựu-học ơi ! Cái học chúng ta, tuy không thích dụng với đời, nhưng mà cái học thuộc về nghĩa lý, không khi nào bỏ đi được. Chúng ta không nên vì những sự thiệt thòi trước mắt mà sinh thoái chí. Chúng ta bất phương đem những sự mình đã biết mà công hiến cho người sau. Ta đương lúc thoái vị, thì ta phải vì xã hội mà làm những công việc bàn giao cho chính đáng. Phàm

những nghĩa lý thuộc về Hán học thế nào, chỗ nào là sở trường, chỗ nào là sở đoản, chỗ nào đáng theo, chỗ nào không đáng theo, ta nên làm ra sách vở để bàn giao cho người kế vị ta về sau. Nếu được như thế, thì vong linh các bậc tiên hiền, tiên triết còn được hả lòng yên bụng, mà cho rằng những phường đệ tử hiện còn ở đương thế, đã vì xã hội mà làm việc chính đáng cho rồi cái nghĩa-vụ của nhà nho. Lại khiến cho người đời sau cũng nhớ rằng : cái học này được lưu truyền là vì trong thời đại ấy, nhân sự học thay cũ đổi mới, mà có bọn cựu-học làm công việc giao-đại, để giao-phó cho chúng ta đây. Như thế thì trách nhiệm, các nhà nho học đối với đời không phụ, đối với tổ tiên, với người đời sau không phụ vậy. Xin chớ ngồi than là thất thời lỡ vận, mà như ai kia, ngâm câu thơ rằng « *Thôi có ra gì cái chữ nho, ông nghè ông cống cũng nằm co* ». Tôi thiết tưởng than trách như thế, không những mình tự phỉ bạc lấy sự học của mình, mà người ta lại khinh mình rằng có lòng ghen tị nữa.

« Lại tôi thường thấy có một hai ông đồ ở đời bây giờ, thường cho chữ Hán là « văn-chương tàn cuộc » Ôi ! Ấy nói về lối Hán-học từ chương thì còn thể nghe được, chữ nhất thiết cho Hán-học là văn chương tàn cuộc, thật là sự lầm to. Vì sao ? đời bây giờ, vô luận là học chữ nào, sự tiến bộ càng ngày càng chóng, thì chữ nghĩa càng ngày càng mới, đến Hán-tự cũng thế ; nếu bỏ nhãng một đôi năm không đọc sách thì không thể xem những sách mới được. Thật chính là « văn chương tàn cuộc », chứ không phải là « văn chương tàn cuộc ». Cho nên các ngài cựu học bây giờ, nếu có bụng bảo tồn quốc tuý thì cũng cần phải học Hán nữa, để biết thêm chữ mới và những lý thuyết mới.

« Nay tôi lại xin khuyên các ngài tân học :

— Các ngài tân học ôi ! Phái Hán-học ngày trước, vô luận nên hư thế nào, nay cũng đã sắp xong trách nhiệm, còn cái trách nhiệm về sự học-văn, sau này, thì ắt về phần các ngài vậy. Các ngài sinh trưởng trong cái xã hội có trật-tự, trong cái cố-quốc có văn vật, trong tâm thần các ngài cũng từng nhớ đến phái cựu học, là một cái học phải trong khi ta mới tiếp được văn hóa của Âu-Tây, thì ta thường chê là hủ lậu. Mà đến khi ta về chốn gia-đình, nơi hương-tộc, hưởng được sự vui sướng thuộc về luân-lý, về trật-tự, thì ta lại ngùi ngùi nhớ nghĩ rằng : công ai gây dựng được có ngày nay. Các ngài đã nghĩ đến thế, thì phải tìm cách làm sao cho bảo-tồn lấy cái học ấy. Các ngài, nếu đã công nhận rằng cái học cũ cũng không nên bỏ, thế thì đương khi phái cựu-học bàn giao việc học cho các ngài, tôi xin thay mặt phái cựu học mà khuyên các ngài như sau này :

« 1·) — *Khuyên các ngài tân học thanh niên nên biết một ít chữ Hán* — Tuy chữ Hán chẳng qua là cái hình tượng để biên chép cho nhớ ; muốn bảo tồn quốc-tuý cũng có thể lấy chữ quốc ngữ mà bảo tồn, không cần phải Hán-tự. Nhưng mà chữ Hán thật là cái tài liệu rất tốt cho văn quốc ngữ, Không phải tôi nói rằng có chữ Hán mới làm được văn-chương quốc-ngữ đâu, nhưng mượn chữ Hán làm văn quốc ngữ, thì vừa sung túc mà tai người mình nghe vẫn quen. Tôi thiết tưởng rằng các ngài nên gắng công học một ít chữ Hán để mà dùng chữ và ngày sau để nghiên cứu. Chương trình của chính-phủ đã đặt về Hán-học thế nào, thì các ngài sẽ thực hành mà lại tìm cách học tập thêm nữa. Xin các ngài đừng bỏ qua, rồi ngày sau nhân tiếng quốc âm mình còn thiếu thốn, khi đối với người Tây có cần dịch nghĩa câu chuyện gì mà thiếu tiếng, thì đổ cho rằng chữ nay nước tôi không có tiếng, để cho người ta chê mình là cái nước nghèo tiếng vậy. »

2·) « *Tôi xin khuyên các ngài tân học đã thành tài nên nghiên cứu cho thâm Hán học.* — Các ngài sẽ là những bậc « văn học chủ ông » ở trong thời đại mới-mẻ này, học thuật Thái-tây nhờ có các ngài mà truyền bá trong nước ta, quốc dân cũng lấy làm cảm ơn các ngài lắm. Nhưng quốc dân hãy còn trông các ngài đương lấy cái trách nhiệm « bảo tồn Hán học ». Các ngài là người Việt-Nam, tất nhiên cũng tự phụ

(Xem tiếp trang 17)

Giá báo

1 năm	18$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 84

Ứng-hảo NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa nhâm-tuất (1502), 24 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân, kê tên dưới này:

1. — **Nguyễn-cảnh-Diễn**, người làng An-tử thượng, huyện Tân-minh, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 56 tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ, tức hoàng-giáp, khoa nhâm-tuất. Làm quan đến Lễ bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 76 a).

2 — **Nguyễn-đức-Khâm**, người làng Uông-hạ huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 33 tuổi đỗ hoàng-giáp khoa nhâm-tuất. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Là em Nguyễn tuyên-Cần, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1487: anh em cùng triều (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b).

3. — **Nguyễn-như-Côn**, người làng Trại-sơn, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 22 tuổi đỗ nhị-giáp khoa nhâm-tuất. Làm quan đến chánh-đoán-sự (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 96 a, chép đỗ năm 23 tuổi).

4 — **Trần-Dực**, người làng Ngải-lăng, huyện La-giang (La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 38 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 19 b-20 a, chép năm 32 tuổi). Bốn kỳ thi hội đều thứ nhất. Lại đỗ khoa đông-các. Hay làm văn thơ nôm. Năm canh-ngọ (1510) hiệu Hồng-thuận, làm quan đến Đông-các hiệu-thư, phụng họa thơ vua Lê Tương-dực, thường được thưởng. Mùa hạ năm nhâm-thân (1512) cùng với Khang-quận-công là Trần-Nghi đến tỉnh thành Nghệ-an, đem quân đi đánh giặc bể, chẳng may gặp sóng gió, chết về việc nước (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ an, tờ 19 b-20 a). Về việc ấy, bộ *Khâm-định Việt-sử* (q. 26, tờ 16 a-b) chép như sau: «Năm nhâm-thân (1512) hiệu Hồng-thuận thứ tư, đời vua Lê Tương-dực, bọn Lê-Hy, Trịnh-Hưng, và Lê-minh-Triệt làm loạn, ở Nghệ-an. Vua sai Khang-quận-công là Trần-Nghi, Đông-các hiệu-thư là Trần-Dực đem quân đi đánh. Thuyền quân của Trần-Nghi và Trần-Dực tiến đến Nghệ-an. Lê-Hy và Trịnh-Hưng chia đường trước sau giáp đánh: Trần-Nghi và Trần-Dực biết thế lực không địch nổi, chèo thuyền ra bể, gặp gió, cả toán quân đều chết. Trần-Nghi và Trần-Dực đều chết đuối. Bọn Lê-Hy thừa thắng, tiến bức huyện Lôi-dương. Vua sai nguyên quận-công là Trịnh-duy-Sản đem quan quân và Đỗ-Nhạc làm tán lý, tiến đánh, chém được Lê-minh-Triệt, bắt sống được bọn Lê-Hy và Trịnh-Hưng, đóng cũi đưa về kinh-sư, làm tội chết». *Đăng khoa lục* (q 1, tờ 51 a) chép Trần Dực làm quan đến Hộ-bộ tả-thị-lang, chắc là sau khi chết được truy-tặng.

5 — **Lê-văn-Học**, người làng Đông-tháp (theo bia Văn-miếu; còn 2 quyển *Đăng khoa* đều chép là làng Lỗi-tuyền), huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 33 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a chép đỗ năm 32 tuổi).

(*Xem tiếp trang 16*)

Đón coi đặc san về:

TỤC NGỮ VÀ CA DAO

— sẽ có những bài viết công phu của những nhà văn quen biết như:
Ứng Hoè Nguyễn văn Tố — Hoa Bằng — Trúc Khê — Tiên Đàm — Nhật Nham — Khái Sinh — Cách Chi — Trịnh như Luân — Phạm mạnh Phan — Phan khắc Khoan — Hoàng thiếu Sơn — Nguyễn đình Thi — Kiều thanh Quế và nhiều cây bút khác...

— sẽ ra vào hạ tuần tháng này.

Một quyển cổ sử miền Tây-Á

Ông Hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Tạp-chí *Văn-mới*, số 24 và 25, đề ngày 25-12-1943, có đăng quyển *Thượng cổ sử Cận Đông* của ông Nguyễn-đức-Quỳnh, khổ giấy 11×18, được 234 trang. Kể ra phải tốn nhiều công mới làm được một quyển sử như thế. Người đời xưa làm sách phải ba lần (thảo, ba lần bỏ đi (tam thảo tam mạ) mà chưa dám gọi là hoàn-cảo. Nên tôi bàn mấy câu sau này để tác-giả cố sửa chữa vào lần tái-bản cho được bổ-ích.

Ngay tên sách, tác giả theo chữ tây gọi là Cận-Đông (Proche Orient), tôi không rõ. Người châu Âu gọi miền Tây Á là Cận Đông thì phải nhưng đối với người châu Á thì lại gọi là Đông-Âu hay Tây-Á, mới đúng. Cũng như chữ Viễn-Đông (Extrême-Orient) dịch ở chữ Pháp ra: ở châu Âu thì gọi ta là viễn, nhưng chính người mình và người châu Á thì gọi là Á-đông mới phải, tức là những miền phía đông châu Á, giáp Thái-bình-dương, như Tàu, Nhật, Ấn-độ Đông-dương và quần đảo Mã-lai.

Ấy là hai chữ tên sách, còn tên đất, tên nước, cũng theo sách tây nhiều quá, như trang 24 tác-giả viết «.. dân Médie...», thì đúng tên nước, đến trang 25 lại viết «dân Mèdes», trang 32 lại viết «tiếng médique», v. v.: sách quốc-ngữ, chép những tên không mấy người đọc qua, mà lại chép bằng thứ «linh-tử» hay «hình dung-từ», thì người không biết chữ tây hiểu làm sao được?

Các tên nước ở miền Đông Âu, bên mình ít người biết đến. Thế mà tác-giả vẽ ba cái bản-đồ, lại chép tên núi (mont), bể (mer), sa-mạc (désert), toạn bằng chữ tây! Thí-dụ trong bản đồ đề là «Mer noire» trang 141 ấy là Hắc Hải, trước sau không hợp, sợ người không xem qua sách tây không tích lại. Núi mà trong bản-đồ viết tắt là «Mt», thật là không nên. Lại thiếu nữa, như trang 58 lên trang 111, nói về nước Chaldée, thế mà trong bản đồ không thấy chưa tên Chaldée, chỉ thấy viết tên thủ-đô (Babylone), người muốn học sử Tây-Á, và xem bản-đồ ấy thì còn biết thủ đô ấy về nước nào?

Giá vô cho đủ, và bắt-chước quyển Albert Malet, *L'Antiquité*, để cho người mình biết mỹ-thuật, kiến-trúc, giống người Tây-Á thế nào, thì quyển này sẽ được giá-trị thêm lên nhiều lắm. Nhất là phải chữa những chỗ lầm lẫn, như trang 61, có câu «Dân Khmers đào hồ Tonlesáp»: câu ấy nhầm. Sao không nói dân cao mên cho dễ hiểu, lại nói dân Khmer? Tác-giả lấy chứng cớ ở sách nào, mà cho là dân ấy đào hồ? Năm 1904, Ông Armand Rousseau có làm bài luận thi luật-khoa bác-sĩ (*Le Protectorat français du Cambodge*, trang 10) trong có một câu rằng: «Gần bờ sông Cửu long có những chỗ đất trũng lòng, lúc nước mưa nước lụt xuống lại. Hồi lụt, một vài chỗ đất khô đi, một vài chỗ khác thì bắt đầu lấy, về mùa nước lên, thành khoảng hồ rộng, tàu bè đi lại được và nhiều cá lắm. Hồ lớn Tôn lê sáp và hồ con là một cái thí dụ đặc biệt ở vùng biển hồ ấy.» Xem như thế, thì không phải dân Cao-mên đào ra hồ Tôn-lê sáp. Nguyên-văn đoạn sách ấy như sau này: «Près des rives du Mékong, se trouvent des parties en contre-bas formant des sortes de cuvettes où s'amassent les eaux de pluie et d'inondation. Quelques unes de ces cuvettes se dessèchent après l'inondation, d'autres forment au contraire des marais persistants qui, à l'époque des hautes eaux, deviennent de vastes étendues navigables et très poissonneuses. Le Ton-lé-sap avec ses deux lacs, en est un exemple typique» (xem cả quyển J. Moura *Le Royaume du Cambodge*, q. I, tr. 3 4, v.v.).

Tên người cũng nhầm nhiều như tr. pg 146, tên ông G Contenau, làm ra quyển *La civilisation d'Assur et de Babylone. L'art de l'Asie occidentale, Manuel d'archéologie, orientale*, v.v. ông Nguyễn-đức Quỳnh chép là Contureau, v v.

(Còn nữa)

Ông-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

— Ô. Hoài Liêm — *Bất hoan nghênh kịch lịch sử — Xin cứ gửi — Vì để riêng mấy bài không đăng được, xin lỗi.*

— Ô. Ng. t. Hòa — Huế — *Vì bận nhiều việc nhà in Tri Tân chưa thể in được. Tác phẩm của ông đành phải đợi một ngày xa. Xin lấy ý muốn lấy lẽ xin cho biết chăng tôi không giám giữ bản thiết tiền quyền lợi bạn.*

? *NHÀ XUẤT BẢN*

Nhân quyền

« Vang bóng một thời » tục bản

(Tập truyện ngắn của Nguyễn Tuân)

KIỀU-THANH QUẾ *viết*

Thời xưa!

Một thời xưa của nước Việt-nam cổ.

Những cái *vang*, cái *bóng* của cổ thời ấy, Nguyễn Tuân trịnh trọng ghi chép lại như một nhà lịch sử ký sự, bằng ngọn bút tỉ mỉ của một nhà tiểu thuyết chơi văn.

Vang bóng một thời là một toàn khối đựng đủ « mùi tiêu sái » của người xưa trong các quan niệm « chơi », « nhàn » v. v...

1°) Truyện « *Một cảnh thu muộn* » của tập *Vang bóng một thời* cho ta một ý niệm chặt chẽ nhứt về quan niệm cổ nhân. Ông Cử Hai trong truyện quả là cái khuôn mẫu mà ngày xưa Cao Chu Thần đã vẽ phác bằng mấy vần thơ thanh thoát:

« *Nhân sinh thiên địa gian*
nhứt nghịch Lữ
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn
ngày?
Như thoi đưa, như bóng sổ,
như gang tay.
Sực nhớ chữ « cổ nhân bình
chúc »
Cao sơn lưu thủy thi thiên trục,
Minh nguyệt thanh phong tửu
nhứt thuyền. »

... Và Nguyễn công Trứ đã bộc lộ trạng thái bằng mấy lời thở than:

Ôi nhân sinh là thế ấy:
Như bóng đèn, như mây nổi,
như gió thổi, như chiêm bao.
Ba mươi năm, hưởng thụ biết
chừng nào?
Vừa tỉnh giấc nồi kê chưa chín!
Vật thái mạc cùng vân ảo biến
Thế đồ vô lự thủy doanh hư?
Cái hình hài đã chắc thiệt
chưa,
Mà lẽo đẽo khóc hoài rứa mãi?
Trời đất hễ có hình cũng hoại
Ý chi chi mà chắc chắn cái
chi chi? »

« Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai *sống cuộc đời mình như người ta chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thế mình. (1)* »

« Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỏi chân phải ngừng ở lại các thôn ổ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái niệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài để đề một bức châm lên lá quạt tặng một ông bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trổ một hòn đá sù sì cho thành một con thạch ấn, để dáng ngón tay chỏ vào một chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai, treo chơi trên vách đã quán trọ nơi ngồi dạy học.

« Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khò lên vì đi tìm thầy. Tết mùng ba, ông Cử Hai đã trốn lỗ nhà trọ từ hôm trước để đi ăn bàn thực và đi hội đạp thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung Thu ông lên Chùa Tuầy ngắm trăng Cọp Trời họp trên đỉnh núi Sài Sơn. Gần tết Nguyên Đán, nếu chưa về nhà thì ông ẩn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lập thủy tiên. *Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hùa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi.* Lùng tìm cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, thực còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc *cái hứng giang hồ* ở người ông nổi dậy (2).»

Ông Cử Hai có lẽ mắc phải cái bịnh giang hồ, mà Trương Tửu bảo Nguyễn Tuân mắc phải.

Còn cụ Thượng Nam ninh, cha ông Cử Hai trong truyện, lại là một vị quan già cầy tiết tháo, mà :

Khi lang miếu đã dành công danh ấy,
Lúc yên hà khước thị xuất nhân gian (3).

Khi còn làm quan tại triều, cụ đã có công dành như thế. Lúc lui về ẩn dật, cụ cũng còn hơn người về cái khí tiết. Cụ bao giờ cũng « nhìn xem phú quí tựa chiêm bao (4).» Bởi nên, khi ông huyện Thọ xương, con cả cụ, thấy cụ ở với ông Cử Hai có chỗ thiếu thốn về vật chất, lên tiếng mời cụ về huyện nhà ở, liền được cụ bảo:

« — Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tĩnh mạc, yên ổn là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nha nó phiền nhiều lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này (5).»

2.) « *Chén trà trong sương sớm* » và « *Những chén ấm đất* » là hai truyện tả cái đặc thù và quan niệm uống trà ngâm thơ của cổ nhân :

«... Cái thú uống trà tầu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thanh khí (6) ».

«... Ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra biết những cái nặng nề trong thân thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất (7) ».

3. « *Hương cuội* » tả bày quan niệm chơi hoa, uống rượu của cổ nhân :

«... Có một vườn hoa là một việc dễ dàng; nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả đến cái đẹp không bao giờ lên tiếng nói. Như thế mới phải đạo, đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đầy chúng ra mưa nắng với thời ơ, chúng trổ bông khôn đến, chúng tàn lá cũng khô, thì chơi hoa làm gì thêm tội với Chúa Xuân (8) ».

« Ông Ấm Hai vui chuyện, hỏi bố già :

« — Này bố già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

« — Chết, cậu đừng nói như thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những cỗ nhắm mặn như thịt cá đâu (9) ».

4. « *Thả thơ* » và « *Đánh thơ* » là hai truyện vẽ lối đánh bạc tao nhã của cổ nhân.

5. « *Ngồi mả cũ* » vẽ lối đánh cờ không bàn không quân của cổ nhân.

6. « *Chữ người tử tù* » ca ngợi lối chơi chữ của *người xưa* coi chữ là một hữu vật vô giá!

Tập *Vang bóng một thời* ngoài ra còn đựng ba truyện nữa! « Bữa *rượu đầu lâu* », « *Trên đỉnh non Tản* » và « *Ném bút chì* », mà chúng tôi xin miễn nói tới; vì nó không cùng một tánh cách với sáu truyện đã phê bình qua.

II

Văn Tự-Lực văn đoàn mềm mại dịu dàng.

Văn Trương Tửu, Lê văn Trương mạnh mẽ, dột khởi.

Văn Nguyễn Tuân thì *đi dỏm* như một cô gái làm nũng, có khi lại « dỗng-đảnh » như một người đàn bà khó chiều.

Trong hai thuộc-tánh ấy, văn Nguyễn Tuân mạnh bạo đi đến nhiều *tiểu xảo văn thuật* có khi cũng ý nhị, mà lắm lúc cũng quá ngộ nghỉnh! (10)

(Sự quả quắc bao giờ cũng cụng nhằm những viên đá tảng đánh vỡ đầu trán!)

(*Xem tiếp trang 15*)

(1) Vang bóng một thời, *trang 181-182*

(2) Ibid, *trang 183-184*

(3) *Hai câu thơ của Nguyễn Công Trứ.*

(4) *Một câu thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm.*

(5) Vang bóng một thời : *trang 179*

(6) Ibid : — *trang 170.*

(7) Ibid, *trang 171.*

(8) Vang bóng một thời : — *trang 126-127*

(9) Ibid, *trang 131*

(10) *Bạn đọc có thể tìm thấy một vài dụ về cái ngộ nghỉnh của văn Nguyễn Tuân ở bài phê bình cuốn « Tùy bút » ở bài phê bình này, xin miễn nói đến cho khỏi rườm rà.*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 32

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXVI. — Tăng Cổn và họ Khúc

Các quan Tàu sang cai-trị nước ta dẫn truyện Tăng-Cổn này có lẽ là cuối cùng. Rồi đến Khúc-thừa-Dụ, tự xưng tiết-độ-sứ, tuy còn theo mệnh-lệnh nhà Đường, nhưng người ta cai-trị dân ta, ba đời nối nhau giữ nước đến hơn 50 năm, cho nên sử chép là Khúc tiên chúa, trung-chúa, hậu-chúa, tức là mở nền đế-vương cho họ Ngô họ Đinh sau này.

Trước hết bằng chép truyện Tăng-Cổn, — Nguyễn làm tiểu-hiệu cho Cao-Biền, giỏi việc quan. Trong đời Kiến-phù (874-879) thay Cao-Tầm làm tiết-độ-sứ (có lẽ nối chức vào năm 878) đến năm 880 (thứ 1 hiệu Quảng-Minh) quân phủ đô-hộ khởi loạn, thuộc-hạ xin Cổn ra thành để tránh giặc, Cổn không nghe cứ ung-dung hiểu-dụ, uy-đức, bọn giặc tự nhiên thôi đến trước Cổn xin hàng phục. Cổn đều tha không hỏi tội. Từ bấy giờ các đạo đóng đồn ở châu Ung đều theo về với Cổn, Cổn nhận cả. Làm việc quan có tiếng, người trong châu gọi là Tăng-thượng-thư. Cổn có soạn bộ *Giao châu ký* lưu hành đời bấy giờ, ở châu 11 năm (Khâm-định Việt-sử tiền biên, q. 5, tờ 13 a - 13 b).

Nước Nam ta thuộc với Tàu lần thứ 5, về cuối đời Đường, đã nẩy cái mầm tự-trị tức là chuyện bà đời họ Khúc, tuy chưa xưng đế xưng vương, nhưng cũng đã biết chia trong nước làm từng lộ từng phủ, đặt chức lệnh-trưởng, và làm sổ hộ-tịch, biên tên làng quán, quả mà thật là đáng làm gương cho đời sau. Từ bấy giờ dở đi, họ đến đời Đinh nhất thống nước Đại-Cồ-Việt, hơn 60 năm ấy (906 967), dân Nam đã thoát khỏi vòng lao-lung của người Tàu

Khâm-định Việt-sử (tiền biên, q 5, tờ 14 a 14 b) chép rằng « Họ Khúc quê ở châu Hồng (nay là phủ Bình-giang và Ninh-giang thuộc tỉnh Hải-dương), đời đời là họ lớn vùng ấy. Thừa-Dụ là người khoan-hòa yêu người, được chúng suy-tôn Nhân lúc loạn Thừa-Dụ là thổ-hào tự xưng tiết-độ-sứ, rồi sai người xin mệnh-lệnh với nhà Đường. Năm thứ 3 hiệu Thiên-hựu (906) đời Đường Chiêu-tuyên, mùa xuân tháng giêng, vua Đường nhân thăng Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là *Khúc-thừa-Dụ chức Đồng-bình-chương-sự.*

Ngự chế Việt sử tổng-vịnh, q 1 tờ 14 b và *Đại-việt sử ký*, q 6 tờ 23 a đều chép rằng : Lúc ấy châu Giao loạn, tiết-độ sứ nhà Đường là Tăng Cổn bỏ thành về Tàu, vì thế Thừa-Dụ do chấu thổ-hào, tự xưng tiết-độ. Còn *Toàn-thư* và *An-nam chí-nguyên* đều không chép chuyện Thừa-Dụ.)

Sang năm sau (907) Thừa-Dụ mất sử chép là « Khúc tiên-chúa ». Con là Khúc-Hiệu nối ngôi. Ấy là Khúc trung-chúa. Khúc-Hiệu nhờ được nghiệp đời trước, mới giữ La-thành, xưng tiết-độ sứ, định trong nước làm từng xứ, lộ, phủ, châu và xã, đặt chánh lệnh-trưởng và tá lệnh-trưởng, chia đều thuế ruộng, làm nhẹ việc quan, lập sổ hộ-tịch biên họ tên làng quán, người giáp-trưởng trông-nom. Chính-sách khoan-nhân mà giản-dị dân được nhờ ơn có sức nghỉ ngơi mà « sống lại ». *Khâm-định việt-sử, tiền-biên*, q. 5, tờ 15 a và *Ngự-chế việt-sử tổng vịnh*, q. 1 tờ 14 b).

Các quyển Việt-sử đều chép rằng : Năm ấy (907) nhà Đường bên Tàu đã mất, nhà Lương cho chức Quảng-châu tiết-độ-sứ là Lưu-Ẩn kiêm chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ-sứ (An-nam) phong làm Nam-bình-vương, Lưu-Ẩn giữ Phiên-ngung (nay thuộc phủ Quảng-châu tỉnh Quảng-đông. Khúc-Hiệu giữ Châu Giao, xưng là tiết-độ-sứ, có chí mưu-tính nhau ».

An-nam chí-nguyên (q. 5, tr. 180) và *An-nam kỷ-yếu* (*Khâm-định* dẫn) thì chép rằng : Khúc-Hiệu là người Giao-chỉ, cuối đời Đường thay Độc-cô-Tồn làm tiết-độ-sứ, đổi các huyện, làng làm giáp, đặt quản giáp và phó-trị-giáp để thu thuế, ở chức quản được 4 năm, thì mất, con là Thừa-Mỹ nối chức ».

Xét kỹ ra, thì *An-nam chí-nguyên* và *kỷ-yếu* chép không đúng, chính là Thừa-Hiệu nối nghiệp của cha là Thừa Dụ, chứ không phải thay Độc-cô-Tồn. chính *Việt-kiều thư và Tư-trị thông-giám* q.265, tờ 11 a cũng chép rằng : « Năm thứ 3 hiệu Thiên-hựu (906) vua Đường thăng Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là Khúc-thừa-Dụ chức Đồng-bình-chương-sự. Lúc ấy Thừa-Dụ nhân loạn, giữ cõi đất An-nam, » cứ như thế, là năm 906, nước ta đã về tay Thừa-Dụ rồi, còn đâu đến năm 907, mà Khúc-Hiệu thay Độc-cô-Tồn, đến chỗ chép Hiệu ở làm quan 4 năm cũng sai nốt, vì năm 907 Khúc-Hiệu đã làm tiết-độ-sứ rồi, mà đến năm 917 Thừa-Hiệu hãy còn sai con là Thừa-Mỹ sang Nam-Hán, sao lại gọi là 4 năm ?

Đại-Việt sử-ký tiền biên, (q. 7, tờ 1 a) chép rằng : « Năm tân mùi, (911) Lương Thái-tổ tiến phong cho Lưu Ẩn làm Nam-hải-vương, năm ấy Lưu-Ẩn mất, em là Lưu-Nghiễm nối chức (nguyên trước tên là Lưu-Nham, nhân điềm rồng trắng, đổi tên là Cung, sau cho là chữ cung không tốt, lại đổi là Nghiễm, chữ Nghiễm này long trên thiên dưới, lấy nghĩa rồng bay trên giời). — Năm đinh-sửu (917) Nam-hải-vương Lưu-Nghiễm lên ngôi hoàng-đế đặt tên nước là Đại-Việt, đổi niên-hiệu là Hiển-hành, liền đổi tên nước là Hán, tức Nam-Hán.

Toàn thư, (q 5, tờ 17 b) lại chép rằng : « Năm tân-mùi (911) Nam-bình-vương nhà Lương là Lưu-Ẩn mất, em là Nham nối chức. Năm đinh-sửu (917) chức Quảng-châu trị-lưu-hậu nhà Lương là Lưu-Nham dựng nước gọi tên là Hán... »

Tư-trị thông-giám, (q. 268, tờ 1 a) chép rằng : năm thứ 1 hiệu-hiển-hóa (911), tháng 3, ngày ất-dậu Thanh-hải Tĩnh-hải tiết-độ-sứ kiêm Trung-thư-lệnh Nam-bình Tương-vương là Lưu-Ẩn bệnh nặng, dâng biểu xin cho em là tiết-độ-phó-sứ, quyền trị-lưu-hậu, ngày đinh-hợi mất, em là Nham nối ngôi. — Đến q. 270 tờ 1 b lại chép rằng : « Năm thứ 3 hiệu trinh-minh (917) tháng 8, ngày quý tỵ, chức thanh-hải Kiến-Vũ tiết-độ-sứ là Lưu-Nham lên ngôi hoàng-đế ở Phiên-ngung, gọi nước là *Đại-Việt*, đặt niên hiệu là Kiến-hành, lấy Quảng châu làm phủ Ung-vương... » — Năm 918, mùa đông, tháng 11 việt chúa Lưu-Nham đổi tên nước gọi là Hán. (*Tư-trị thông giám*, q. 270, tờ 11 a)

Trong năm đinh sửu (917) Khúc-Thiện sai con là Thừa-Mỹ sang nhà Hán để kết tình giao-hiếu, tiếng là tỏ tình hoan-hảo, thực là để dòm xem thư-thực (*Khâm-định Tiền biên*, q. 5 tờ 15 b. *Đại-việt sử ký*, q. 7 tờ 2 b và *Toàn-thư*, q 5 tờ 17 b). Cũ ng năm ấy, Khúc-Thiện mất, con là Thừa-Mỹ nối nghiệp.

— Đến năm kỷ mão (919) Thừa-Mỹ sai sứ sang xin biên việt ở nhà Lương, vua Lương nhân cho thông-thiệt 12 châu ở nước Nam, (*Khâm-định Tiền biên*, q. 5 tờ 16 a *Đại-việt sử ký*, q. 7 tờ 1 b và *Toàn thư* q. 5 tờ 17 b). Hán-chúa là Lưu-Nham nghe tiếng Thừa-Mỹ nhận tiết-việt của nhà Lương, giận lắm, »

(Xem tiếp trang 16)

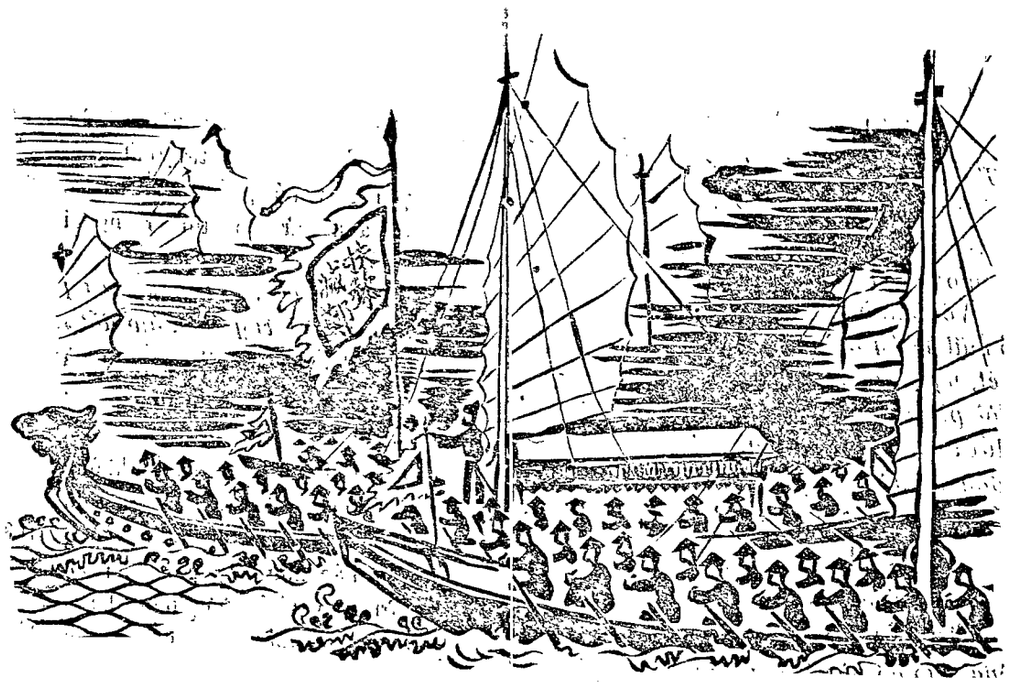

Các bạn muốn biết bức họa này là bức họa nào, xin mua cho được cuốn :

QUANG TRUNG của HOA BẰNG

Giá 5$00

Có bán ở khắp hiệu sách ở Đông Dương

NAM DÂN BÁT CHÂU THI THẢO

Tác giả TÙNG-VÂN *đạo-nhận*

LXIV

Phú đắc « **Lần thâu gió mát trăng thanh** »

(Phê Kiều 29)

Sổ hoa đào, chém cha duyên buộc gỡ;
Cảnh song-thanh, cũng lần-lữa cho người.
Sắc để mắt, thanh để tai,
Đã nay cơn Thuấn, lại mai bóng Hằng.
Quạt dương liễu tưởng chừng trên mặt phẳng;
Gương ngô đồng, thấu tận đáy lòng soi.
Chủ nhân phong nguyệt là ai?
Gươm đâu, hội khách, lạng chơi biên đình.

Chú-thích

Song thanh = « phong nguyệt song thanh », nói đôi cảnh đều thanh.

Sắc để mắt, thanh để tai = Thanh nghĩa là tiếng; sắc nói nguyệt, thanh nói phong. Tô-vân: » Nữ đắc vi thanh, mục ngu thành sắc ».

Cơn Thuấn = Bắc-sử: « vua Thuấn ca Nam-phong thi ».

Dương-liễu, ngô-đồng = Tống Thiệu tử thi: « Ngô đồng nguyệt hướng hoài trung chiếu. Dương-liễu phong lai diện thượng xuy ».

LXV

Họ Từ tên Hải, *thơ.*

(Phê Kiều 30)

Người hiền Thúy kể họ Kim, tên Trọng;
Khách lầu hồng khoe tên họ chi-chi.
Khuôn đội-đạp, sức nam nhi;
Hồ so với Hiến, Sở bì đâu Khanh.
Dòng tướng Đạt vốn tung-hoành Ngô, Sở;
Thú nhà Long quen vùng-vẫy giang-hồ.
Tàn-thanh tươi-tắn vai trò;
Tràng-an quen họ, Khang-cù thuộc tên.

Chú-thích

Dòng tướng Đạt = Đời Minh Thái-tổ có đại-tướng là Từ-Đạt, trứ danh vô địch.

Thú nhà Long = Cổ tục kêu đáy bể là Long-cung, thần bể là Long-vương.

Tàn-thanh = Khúc « Đoạn tràng tân thanh » tức là tập Kim Vân Kiều.

Tràng an = Nói chốn đô-hội. *Khang cù* = Nói chỗ dân-gian.

LXVI

Phú đắc « **Anh-hùng mới biết anh-hùng** ».

(Phê Kiều 31)

Anh-hùng thật, anh-hùng rơm lắm vẻ!
Chẳng anh-hùng sao biết kẻ anh-hùng.
Người hương phấn, khách non sông;
Xét tình con mắt, gửi chung can-trường
Khúc-khích chuyện bà vương duyên ả nước;
Nhớ quên ngày: anh, ả bước trần-ai?
Dán tay về chốn trướng mai,
Vinh-hoa tỏ mặt cả đôi anh hùng.

Chú-thích

Anh, ả = Tiếng vợ chồng có khi xưng hô nhau. Ngạn-ngôn: « Tại anh, tại ả: tại cả đôi bên ».

LXVII

Vịnh một giai-đoạn: « **Oán trả oán, ân trả ân** »

(Phê Kiều 32)

Đường ân oán, mong trả sao cho sạch;
Khi lâm-chi, khi Vô-tích, biết bao.
Trong quân tỏ mặt Thủy Kiều;
Thù cho bõ ghét, nghĩa nào dám quên.
Thân tơ liễu, đôi phen thương lạc bước;
Ngọn cờ đào, dưới bóng mặc ra tay.
Chị Hoạn oán đấy, ân đây,
Thử xem chuyến này, em trả làm sao?

LXVIII

Lẽ nhiều nói ngọt, *thơ.*

(Phê Kiều 33)

Muốn bể Sở, sóng Ngô bỏ vào trong túi;
Lẽ cho dào mà nói lại cho thân.
Lưỡi ba tấc, vàng nghìn cân,
Bên phần tối mắt, bên phần bùi tai.
Mua lấy khách câu đai cỏ quả;
Siêu được lòng non nước cỏ hoa.
Khe-khắt thay, nỗi người ta!
Lời rằng: « mật ngọt » cũng là lời chung.

TÙNG-VÂN

Vang bóng một thời

(Tiếp theo trang 11)

Tiểu xảo văn thuật của Nguyễn Tuân luôn luôn nhu dụng đến các phép *ẩn-dụ* (métaphore), *hình-tượng* (imagination), *nhân cách-hóa* (personnification).

1° « Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của tên lão bộc đánh rõ xuống mặt đường những *hình ngôi sao ướt* và đẫm máu »

Những *hình ngôi sao ướt* đây là nước trong thùng trào ra ngoài, rơi tung tóe xuống mặt đất.

2 « Họ đều *đem nhốn tuyến ra mà chung viết với nhau một tập ký ức câm* về hơn một tháng trùng tu ngôi đền thượng »

Người ta viết bằng tay, chớ có ai viết bằng mắt, bằng cái nhìn, bằng nhốn tuyến bao giờ ! Thế mà câu này của Nguyễn Tuân lại bảo một cách hoan-ngộ : « đem nhốn tuyến ra mà chung viết với nhau một tập ký ức câm.... »

3° « Bến Gôn im vắng đến nỗi giòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tõm, *dội* cái tiếng vang *ngược* lên mãi khóm lau già *mọc* nơi chỗ khuỷu sông bị *vặn quẹo.* »

« Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh *văng* vào vách đá, rồi *vật lại* một nơi thung lũng nào đang *gửi trả* về rất dài một tiếng vượn *kêu rầu.*

Hai câu này chứa đựng được nhiều mầm hoạt động, bởi những tiếng *động từ* (verbes), *tĩnh hóa động từ* (participes passés) viết chữ nghiêng.

4° Ngoài ra vẫn còn những động từ, tĩnh hóa động từ của Nguyễn Tuân, đáng để ý !

a) « Gió bấc thổi qua những kẽ cánh cửa bức-bàn đã *gửi* (động từ) vào nơi yên lặng này mươi lám tiếng gà không *nhẫn nhục* (tĩnh hóa động từ) được với tối tăm. »

b) « Thỉnh thoảng, từ hòn than *tự tiêu diệt* (tĩnh hóa động từ), *buột ra* (động từ khách thể : verbe actif) một tiếng khô rất khẽ và rất gọn. »

c) « Ngày tháng cứ thế mà *vọi* (động từ khách thể) dần trên lũy tre xanh già làng Tràng Thôn »

d) « Có những đêm mưa to gió lớn *làm nhòe* (động từ khách thể) những tiếng trống phủ cầm canh. »

5° Ở mai câu sau này, phép hình-tượng được đắc dụng :

a) « Hai con thuyền thoi đi êm *như trườn xuống giốc một ngọn thác mà lòng thác đều lót dày một lớp rêu tơ nõn.* »

6) « Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bồng lải rũ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi suyên *như cắn sâu mãi vào cái dòng đặc của mùi sơn lam.* »

6) Ở câu này, tác giả áp dụng phép ẩn-dụ :

« Thỉnh thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô rất khẽ và rất gọn. Thế rồi hòn than *sống hết một đời khoáng chất.* »

7) Ở câu này, tác giả dùng đến lối nhân-cách-hóa.

« . . . từ *ruột ấm đồng* bị nung nấu đã lâu, có *tiếng thở dài của khối nước* sắp bến thề. »

KIỀU THANH QUẾ

Cải chính

— T. T. 143 trang 12 đầu đề bài của ông Phiên Thúc xin đọc là :

Một kiến giải về vấn đề thống nhất tiếng Việt » (xếp nhầm là nhất thống).

— T. T. 144 (1er juin 44) trong bài thơ « Tứ cung » của Bà Vân Đài câu cuối xin đọc là :

« Để gửi tình ai đến cửa trùng » (chứ không phải « để gọi » như đã in nhầm.)

Xin lỗi các tác giả và các độc giả.

T.T.

Các bạn muốn biết thân thế và sự nghiệp Lê quí Đôn một ngôi sao chói lọi trong văn học, một sử-gia danh tiếng đời Lê, hãy đón coi :

ÔNG BẢNG LÊ QUÍ ĐÔN

của TIỀN-ĐÀM

Sách in đẹp, sẽ ra cuối tháng Juin.

Vì giấy khan nên số sách in có hạn, các bạn đọc, các ngài đại lý xin viết thơ về đặt trước. Ở xa xin chịu tiền cước 0$30 một cuốn.

Ngân phiếu, thơ từ xin đề cho :

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chanceaulme — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 13)

Đến năm quí-mùi (923) Lưu-Nhạm sai Kiên-tướng là Lý-khắc-Chính đem quân đánh Giao-châu, bắt được Thứa-Mỹ đem về, cho tướng là Lý-Tiến thay Lý-khắc-Chính giữ châu. Lúc ấy có Dương-diên-Nghệ, người châu Ái là cựu-tướng của Khúc-Hiệu họp quân-chúng đánh đuổi Khắc-Chính. Khắc-Chính bị thua, chạy về nhà Hán, Hán-chúa ý muốn chiêu dụ, giả cách cho Diên-nghệ tước-vị, cho Lý-Tiến làm thứ sử châu Giao, cùng Khắc-Chính giữ thành ấy, bảo các quan tả hữu rằng : « Dân Giao-chỉ hay làm loạn, chỉ có thể dằng-buộc mà thôi » *Khâm-định, Tiền-biên*, q. 5. tờ 16 a 16 b, *Đại việt sử-ký* q. 7. tờ 1 b, và *Toàn thư*, q 5. tờ 18 a).

Đại-việt sử-ký (q. 7. tờ 1 b và 2 a) lại chép rằng : « Khi Nam-Hán bắt Thứa-Mỹ về Nam-hải, Hán-Chúa là Lưu-Nghiễm lên lầu Nghi-phượng nhận lễ dâng người bắt sống bảo Thứa-Mỹ rằng : « Ông thường cho tôi là Ngụy đình, nay lại chịu chôi đến trước mặt Ngụy-đình, là tại sao ? ». Thứa-Mỹ cúi đầu thú phục bèn được tha ».

Kể theo năm ở sử chép, thì họ khúc 3 đời được 17 năm (từ năm 906 vua Đường thăng Thứa-Dụ chức đồng Bình-chương sự. đến năm 923 Thứa-Mỹ bị bắt.) mà *Đại việt sử-ký tiền biên* (q 7 tờ 2 a) lại chép rằng : Họ Khúc 3 đời, từ năm Canh-tý (880) đến năm Canh dần (930) cộng 51 năm Xét kỹ ra thì *Đại-việt sử ký tiền biên* chép cũng có lý, vì năm Canh-tý (880) *Hoàng-việt Giáp tý* (q. thượng tr. 302) có chép rằng : « Nam-chinh lãm phủ đô-hộ, tiết-độ sứ nhà Đường là Tăng-Gon chạy về châu Ung, thổ-hào là Khúc-thứa-Dụ vào giữ phủ thành. xưng tiết-độ-sứ ». lại xem các sử ta sử tàu đều chép năm 906 vua Đường thăng Thứa-Dụ chức đồng-Bình-Chương, thì chính là năm 906 mới được phong, mà đã tự làm việc từ năm 906, nếu không thì từ năm 880 đến năm 906, ai cai-trị dân Nam trong 26 năm ấy ? Còn đến năm 923 tuy Thứa Mỹ bị bắt, sau lại được tha, mà sách chép đến năm 930 Dương-diên-Nghệ mới xưng tiết-độ-sứ, có lẽ dân còn theo Thứa-Mỹ mãi đến năm ấy (930) cho nên dân gọi Thứa-Dụ là tiền-chủ, Thứa-Hiệu là trung chủ. Thứa-Mỹ là hậu Chủ. Vậy thì kết luận họ Khúc được trường trị 51 năm là phải. *(còn nữa)*

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những ông nghè. . .

(Tiếp theo trang 8)

6. — **Hạ - ngọc - Trúc**, người làng An-duyệt, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. trấn Sơn-nam. Năm 24 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Ứng-chế hợp cách. Làm quan đến Hàn-lâm hiệu-lý (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a). *Đăng khoa bị khảo* (q. Sơn-nam, tờ 48 b) chép rằng : « Người mẹ mộng thấy Hỏa-tinh. . . , sinh ra ở dưới trái nhà, nên lấy họ Hạ (nghĩa đen chữ hạ là mái nhà), đặt tên là Ngọc-Trúc, nghĩa đen là đuốc ngọc, ám chỉ Hỏa-tinh. Mặt mũi đen cháy, tinh thông-mẫn, đọc sách một lượt nhớ ngay : lúc nhỏ có tiếng thần-đồng ».

7. — **Nguyễn - Ngạn**, người làng An-khoái huyện Phú xuyên (theo bia Văn-miếu và Đăng khoa bị khảo ; còn *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a, chép là huyện Phú-vân), phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*. q. Sơn-nam, tờ 30 a)

8. — **Nguyễn - vĩnh - Kiên**, người làng An-ninh, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng. tỉnh Hải-dương. Năm 31 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Là tằng-tôn Nguyễn-Hồng, đỗ nhị giáp khoa 1556 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 30 b ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 b, chép đỗ năm 30).

9. — **Đặng - Tuyên**, người làng Lạc-dục (theo bia Văn-miếu, còn hai quyển *Đăng khoa* chép là làng La-xá), huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 b ; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 44 a).

10. — **Nguyễn - bá - Tùng** (hoặc Tông), người làng Tạ-xá, huyện Tứ-kỳ, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1502. Làm quan đến Quốc-sử-giám tư-nghiệp (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương tờ 44 a ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 b).

11. — **Nguyễn - Đốc**, người làng Thổ-giá, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Năm 24 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1502. Sau theo Mạc, làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-Lang, kiêm Sử-quán và hội các. Thọ 73 tuổi, tặng Lễ bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 39 b ; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 b, chép là Lại-bộ tả-thị-lang, tặng Lễ bộ thượng-thư).

21. — **Vũ-bá-Dung**, người làng Hương - giản (Thanh-giản), huyện Đường - an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến Hàn lâm Có chép tập *Tứ-lục bị lãm* (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 14 a-b ; *Đăng khoa lục*, q. 1. tờ 51 b). *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đọc truyện « Lã Gia »

(*Tiếp theo trang 3*)

«... Lã-Gia cầm quyền một nước nắm giữ việc binh, từ trong đến ngoài cung-phủ, đâu chẳng thuộc quan Chủng-tể thống-trị. Giả-sử Gia có một kẽ sáng, canh phòng cẩn mật, xét-lét gắt-gao : những lời ở sứ quán không được lọt vào cung, những hạng dẳng tần không được vượt ra khỏi cửa, rồi hậu lễ để tiếp sứ-giả, nhún lời để đáp vua Hán, bề ngoài tỏ lòng kính thờ nước lớn, bề trong làm vững công-cuộc phòng-bị để cố ống việc chinh-phạt của nhà Hán, khiến họ biết trong nước có người thì dù họ có muốn ngốn nuốt đi nữa, tự khắc cũng phải đổi đường toan-tính. Mà từ đó mối binh-tranh cũng đến phải ngừng.

« Vậy mà Lã-Gia để cho Cù-hậu và Thiếu-Quý (sứ nhà Hán) gặp nhau, bậu chuyện dàm-ô ra khắp trong nước, cùng nhau làm thành cái mưu phụ-thuộc vào nhà Hán. Lại trùng-trình ngày tháng, biểu qua thư lại, đợi đến khi họ đã sửa-soạn hành-trang, mới có thư can ngăn, tiệc rượu không lành, mới tính đến việc nổi loạn ! Kịp lúc quân Hán đã kéo vào cõi, không còn biết xoay mưu chước ra sao, bèn thì vua, giết hậu để đi gấp đến bước diệt-vong ! Đâu lại có hạng người lo nước như vậy mà mong làm nên công-chuyện được ?

« Vậy thấy cái cuồng của Cù-hậu và cái ngu của Lã-Gia mà biết cuộc bại vong của họ Triệu đã gây nên xây móng ngay từ lúc Anh-Tề lấy vợ và phong tưởng kia rồi. »

Nhưng đến một chỗ khác, sử thần Ngô Thì-Sĩ dường nới tay đối với Lã Gia và thề lượng cho cái khổ tiết của khách cô trung ấy :

« .... Lã Gia là thế-thần họ Triệu, đương lúc chúa thơ-ấu, nước nguy-nghi, đối với nước lớn không biết lấy lễ để thờ, toan-tính cái chước giữ nước mình cho sinh tồn thì phương-lược lại lầm lỡ, ở trong gây nên cái mưu của Cù-hậu, ở ngoài chọc giận vua Hán, rồi không lượng sức, tự làm cho chóng bại vong ! Phiên-ngung không giữ được, rồi thế như đất lở không sao cứu nổi, đến nỗi mất hết cả phần đất nước cũ của vua An-dương trước, khiến cho cái khu vực mà Hòa Trọng đã đóng ấy cũng phải thuộc về người Tàu từ Hán đến Đường hàng 5, 6 trăm năm !

« Truy nguyên đến cái vạ ban đầu thì Lã Gia không tránh khỏi tội vậy.

« Nhưng, đó đều là những việc « đã rồi ». Gia riêng không lấy ấn tín nhà Hán làm vinh, giữ vững cái thuyết cho nội-phụ là không tiện : *không thể bảo là không trí.*

« Giết Thiếu-Quý, diệt Thiên-Thu, gỡ trả sứ-tiết nhà Hán, dàn quân giữ những nơi hiểm-yếu, rửa sạch cái tức-giận cho Tiên-quân ở nơi suối vàng ; *không thể bảo là không dũng.*

« Bỏ một vua này, lại lập một vua khác, chỉ biết có con cháu Võ-đế, xã tắc họ Triệu, hiểu sống chết để giữ lấy, chứ không rồi nghĩ đến chuyện khác : *không thể bảo là không trung.*

« Quân-tử bàn người nên lấy từng đốt một. Đến như việc bỏ hiểm-yếu và làm mất nước, đành rằng Gia vẫn được tội với nhà Triệu. Nhưng từ nhà Triệu đến nay (triều Lê, đời Ngô Thì-Sĩ), chưa bao giờ có thể thu trọn được cả đất Ngũ-lĩnh, nhìn thẳng tận mặt để tranh với Trung-nguyên thì là chuyện còn phải đợi đến những tay thánh, hiền, hào kiệt ở sau này, cũng không đủ cho đó là tội của Lã Gia được. »

(Trích dịch theo nguyên văn chữ hán trong *Đại Việt sử ký*, Ngoại thuộc Triệu kỷ, (sách in của trường Bác-cổ, số A.2) quyển 2, tờ 16a — 21a).

***

Những lời phê-bình của các sử-thần trên đây, chỗ nào là được, chỗ nào là hỏng, chỗ nào là phải ẽ, chỗ nào là quá đáng, quyền phán đoán ấy, chúng tôi xin nhường các bạn đọc truyện *Lã-Gia.*

HOA BẰNG

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA
của Đỗ Đức-Thu giá 0$65
Than-thế và văn-chương
TỨ MỠ
do Lê-Thanh viết giá 0$60
EM LÀ GÁI BÊN SONG CỬA
của Lưu Trọng-Lư giá 1$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trinh-Nhất giá 2$00
Khảo-cứu về
TIẾNG VIỆT NAM
của Trà-Ngân giá 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương-Ngà giá 3$00
KIM TỰ THÁP
của Phan-Quang-Định giá 2$
NỬA ĐÊM
của Nam Cao giá 2$00
Nhà xuất-bản Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Khái luận và phê bình thi ca cũ

HÙNG TRÁNG CA VIỆT-NAM và HÙNG TRÁNG CA ÂU TÂY

Tráng-khí của thi-ca Nam-việt — Điển-tích của Đông-Á là thần-thoại của La-hy — Hùng-tráng-ca Việt-nam gần lịch-sử và xa chuyện thần-kỳ, — Hùng-tráng-ca Việt-nam là tâm huyết của ông cha để lại cho con cháu.

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Bài thơ đầu tiên của dân-tộc Việt-nam làm bằng Việt-ngữ đã có mãnh-lực phi-thường đuổi được một con « *ngạc ngư* » về nơi « *bể đông rộng rãi* ». (1) Những lịch, những thơ cảm khái đã có hùng-khí vô song làm cho người nước nầy thắng được bao địch-quốc cường bạo như Boileau đã nói, mỗi lần thi nhân Nam-việt đặt mồm vào cái « *loa hùng tráng* » (2) là một lần họ bay lên đến thượng tầng « *cao cả thiêng-liêng* » (3).

Các nhà phê-bình Âu-châu hay trách thơ ca Viễn-Đông nghèo nàn thi-tứ, thi nhân Viễn-Đông nghèo nàn tưởng tượng.

Chúng ta không nên cãi chối đối với những sự thật hiển nhiên. Rừng thơ nước ta thật không có một bản trường-ca hai mươi bốn thiên mênh-mông không bến không bờ (4). Đọc thơ ca Nam-việt, chúng ta không được cái khoái trá thả hồn phiêu diêu, mông lung vào những thế-giới huyền-bí, vào vườn Lạc-uyển Elyséens, đến chốn Thiên-cung Olympe (5) xuống chín tầng địa-phủ, lên chín bậc thiên-đường, qua chín nơi rửa tội (6).

Âu cũng vì thi-nhân ta đã sống những cuộc đời thực-tế, thi ca ta đã dùng để ca hát cuộc nhân-sinh — hay nói cho đúng hơn, — cuộc dân-sinh, cuộc sinh-tồn của Việt-nam dân tộc.

Chúng ta không thích những chuyện hoang-đường, thi nhân chúng ta không tô điểm lòe-loẹt những bài học của lịch-sử, những sự-nghiệp của cha ông, như nhà thơ hùng tráng của Boileau. (4)

***

Vẻ hùng-tráng của thi-ca Tây lại còn nhờ ở thần thoại; đối với thi ca Á-đông, thần thoại tức là các điển tích. Thần thoại Âu Tây phần nhiều là thần thoại về vũ-trụ-quan và về tôn giáo rất ít chuyện thật thuộc về lịch-sử. (8)

Trái lại các điển tích của Đông Á phần lớn đều là các điển lịch-sử. Vì thế trong lúc thần thoại Âu Tây có vẻ ngây thơ, nhiều khi ngây ngô, lắm lúc vô luân lý (9), thì các điển tích của chúng ta làm cho người đọc phải cảm-động. « *Ngọn quang-minh* » (10) « *chén tân khổ* » (11) kẻ « *thao chùy* » (12) người « *bình-tiết* » (13) bao giờ cũng gợi lên trong lòng ta những cảm-tình đau đớn và thanh cao. Chuyện thần tiên chỉ để lòng người bình-thản, lịch-sử bao-giờ cũng làm lòng người thiết-tha.

***

Những hùng-tráng-ca của chúng ta bao giờ cũng giản dị, cũng ít màu mè, cũng không có vẻ kỹ-nghệ, cũng chẳng « cao đàm hùng-biện » như một Hugo mà sự « *vô-điều-độ đã làm cho mọi người kinh-khiếp* » (14).

Vả chăng, cũng vẫn theo lời Boileau, lắm lời cũng không bằng nhiều ý: (15)

Cái hùng-tráng của Homère là con sóng hung hăng ồ-ạt ngoài bể cả, cái hùng tráng của Phạm-ngũ-Lão là tiếng kêu thanh thoát của cái hạc nội bay giữa đám mây ngàn. Nó chỉ kêu lên một tiếng nhưng âm-hưởng ngân lên không dứt trong lòng người đọc. Người ta vẫn bảo Tây là vật chất, Đông là tinh-thần.

Điềm đạm, thi-nhân ta lại còn hoài-nghi. Một nhà phê bình đã bảo Homère rằng thi thánh Hi-lạp « *nhìn nhiều hơn nghĩ* » và Homère là « *nhà thơ của sự nhận thấy* ». (16). Ấy là đức tính của một đứa trẻ con. Các nhà thơ Âu Tây đều là những đứa « *trẻ lớn kể lại cho những đứa trẻ bé hơn những chuyện thần tiên mà chúng đã tin lợi lòng tin trịnh trọng của những thính-giả dại dột nhất* ». (17)

Cho nên, một thiên hùng tráng ca Âu tây là một chuyện hoang-đường ra ngoài vòng thiết-thực (18). Nghệ thuật Âu-tây vị nghệ thuật hơn vị nhân sinh.

Thái-độ hoài-nghi đã hướng thi nhân ta về lịch sử và đưa họ xa những chuyện thần-kỳ.

Trên kia tôi đã nói không biết bao lần đến sự liên lạc mật thiết giữa thi ca và lịch sử Nam việt. Có thể bảo rằng thi ca là phản ảnh, là hình ảnh của lịch-sử.

Thiên anh-hùng-ca về Võ-Tánh thiên ái-quốc-ca về Hoàng-Diệu bước lưu-ly của vua Hàm-Nghi, công cứu-quốc của vua Lê-Lợi đều nghi dấu-vết lại trong thi-ca.

Một kẻ chưa bao giờ đọc đến lịch sử, chỉ đọc qua thi ca của dân-tộc nầy cũng đủ biết rõ những lúc vinh quang, những hồi đau đớn chung của con Hồng, cháu Lạc.

Thi ca của chúng ta là những mẫu đời của nòi-giống ta. Trải qua bao nhiêu thế-kỷ, thi ca là những di-tích ghi lại những vui buồn của cả toàn-quốc qua nguồn thời-gian. Vì thế thi ca ta bi tráng hơn là hùng tráng.

Thống-chế Pétain đã nói :

Chức vụ của quốc gia chỉ phải thúc dục sự hoạt động trong xã hội, chỉ dẫn những phương châm và ý nghĩa cho sự hoạt động ấy, và khuyến khích cùng hướng dẫn những sáng kiến của các tư nhân.

Có điều thống thoải hơn nữa là phần đông thi nhân ta đều là những vai chính đã đóng trò trong các thiên anh-hùng-ca của nòi giống. Còn gì quý-giá hơn một thiên *Enéide* do chính Enée viết nên, một tập *Iliade* do chính Achille để lại. Vì Trần Hưng-đạo vương, vì Nguyễn-Trãi không phải là Enée, là Achille của dân-tộc Việt-nam là gì.

Họ không phải chỉ là Achille và Enée của dân-tộc nầy, họ còn là Homère và Virgile của chúng ta nữa.

Những thiên hùng-tráng-ca chính họ viết nên để thuật lại sự nghiệp hiển-hách của họ, đã « *tìm đến tim ta, hun nóng nó lên, lay động cho nó xao xuyến* » (19).

Những thiên hùng-tráng-ca của chúng ta không phải là những « nhân thư », những « *sách giải trí* » ly kỳ như Boileau đã bảo thiên *Iliade* của Homère (20). Đó là tâm, là huyết của ông cha để lại cho con cháu.

HOÀNG-THIẾU-SƠN

---

(1) « Văn-tế cá sấu » của Hàn-thuyên làm vào quãng đầu thế-kỷ thứ XIII.

Ngạc ngư kia hỡi! mày có hay?
Bể đông rộng-rãi là nơi mày.
Phủ-lương đây thuộc về thành-vực
Lạc lối đâu mà lại đến đây?
Há chẳng biết rằng, nước Việt xưa
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa
Đời Hùng vẽ mình ma dạy bảo,
Xuống nước giao-long cũng phải chừa.
Thánh thần nối dõi bản triều nay,
Giấy từ hải-ấp ngôi giời thay,
Vũ-công lừng lẫy bốn phương tỉnh,
Bể lặng sông trong mới có rày.
Sài lang xa dẫu dân cày cấy.
Nhân vật đều yên đâu ở đấy.
Ta vâng đế-mệnh bảo cho mày
Lại về bể đông mà vùng-vẫy.

trích ở Văn Việt Nam của Đoàn như khúc và. Nguyễn-can-Mộng

***

Lời chua thêm. — *Về bài thơ của Hàn thuyên trên đây, chúng ta ngày nay cần phải đánh cái dấu hỏi (?). Trên tờ Tri-Tân này, ông Từ-Ngọc cũng đã lên tiếng hỏi hai ông Đoàn Như-Khuê và Nguyễn Can-Mộng về chỗ xuất xứ bài thơ ấy song chưa thấy hai ông trả lời.*

Nay xét sử sách của ta thì Việt sử tổng vịnh (quyển 6, mục Văn-thần, truyện Hàn thuyên) cũng theo Sử ký mà chép rằng : « Thuyên vốn họ nguyễn, người Thanh-lâm (Hải-dương), thái-học sinh đời vua Trần thái-tông (1225-1258), làm hình-bộ thượng thư đời vua Trần nhân-tông (1279-1293). Bây giờ có con cá sấu

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

đến sông Lô; vua sai Thuyên làm bài văn ném vào trong sông: cá sấu lại đi. Vua cho việc đó là giống việc Hàn Dũ, bèn cho Thuyên họ Hàn »

(Coi thêm Khâm định Việt sử, chính biên, quyển 7, tờ 26 a)

Nay ta nên chú ý: Sử-ký chỉ chép là « làm bài văn », chứ không nói là làm thơ và không chép rõ là bằng nôm hay là bằng chữ hán. Như thế ta lại càng ngờ về bài thơ trên này lắm.

H. B.

(2) « trompette héroïque »

(3) « hauteur divine »

(4) như Iliade, Odyssée

(5) xem Iliade, Odyssée và hầu hết các anh hùng ca La, Hy

(6) xem Divine Comédri (có lượt thuật ở đoạn dẫn thiên khái luận này).

(7) ... le poète s'égaye en mille inventions

Orne, élève, embellit, agrandit toute chose,

Et trouve sous sa main des fleurs toujours écloses.

« thi-nhân vui thú tạo nên muôn nghìn điều huyền hoặc, mọi vật đều được thi-nhân tô-điểm, tán dương làm cho rực-rỡ, đẹp đẽ, tráng lệ cao xa, vĩ-đại. Ngòi bút thi nhân như luôn luôn thêu hoa, dệt gấm ».

(8) Thần thoại về vũ trụ quan (my thes connogoniques) ví dụ: ông Sâm mụ Sét. thần thoại về tôn-giáo (mythes cosmogoniques) ví dụ: Thiên Xana thánh-mẫu thần thoại về lịch sử (mythes des héros) ví dụ: Phù-đổng thiên-vương.

(9) ví dụ: những chuyện ngoại tình và loạn dâm của nữ-thần Vénus.

(10) Võ-Tánh tự thiêu mình.

(11) Ngô-tòng Chu uống thuốc độc

(12) Trương-Lương lập chí giết vua Tần.

(13) Tô Vũ kiên-gan cầm cờ tiết.

(14) « un manque de modération et de mesure qui stupéfie ».

(15) « souvent trop d'abondance appauvrit la matière (Art Poétique)

(16) « Homère regardait plus qu'il ne réfléchissait, il était le poète de la constatation. Léon Gautier « Histoire de la langue et de la littérature françaises » publiée sous la direction de Petit de Julleville.

(17) « Ces poètes sont de grands enfants qui racontent à d'autres enfants de belles histoires aux quelles ils ajoutent foit granement autant de foi que leurs plus crédules auditeurs »

(Léon Gautier-ouvrage cité)

(18) Boileau (Art Poétique):

«... le poème épique

« dans le vaste récit d'une longue action

« se soutient par la jable et rit de fiction.

« là pour nous enchanter tout est mis en usage ».

(Anh hùng ca là một câu chuyện ly kỳ kể ra rất dài, luôn luôn dựa vào những chuyện hoang-đường, lấy zinh-lực ở những điều huyền hoặc. Để làm cho người đọc dễ say-sưa, thi nhân dùng đủ các « mánh khóe. »

(19) Boileau (art Poétique)

« cherche le cœur, l'échauffe, le remue ».

(20) « d'agrément un fertile trésor » (Art Poétique).

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THÔNG SỬ SỬ LƯỢC

Giá 5$00

Lược-luận về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Giá 2$50

Sắp phát hành

LỊCH - SỬ BÁO - CHI *Giá 2$00*

Luận-lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

NGHỆ - THUẬT và DANH - GIÁO

Thư từ ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes

MỚI XUẤT BẢN

LỤC VÂN TIÊN

Quyển nhất

bản dịch của Dương-quảng Hàm, Pháp-văn và Việt-văn đối - chiếu, kèm tranh ảnh của Mạnh-Quỳnh

sách dày 250 trang khổ 17×23

bản thường 4$00 cước 0$60

bản giấy láng 10$00 cước 1$20

Tổng phát-hành

MAI-LĨNH

21 rue des Pipes

Hanoi

Văn học Việt-nam...

(*Tiếp theo trang 7*)

rằng sau này mình sẽ làm một nhà văn-học của Việt-nam, mà nhà văn-học của Việt nam tức là nhà văn học của Á-đông vậy. Có lẽ nào nhà văn-học của Á-đông mà không biết văn-học của Á-đông hay sao? Thử xem như người Âu-châu đối với văn học Á-đông, có thể không cần đến cũng được, mà trong mấy mươi năm nay, hãy còn có nhiều người Tây đi du học Trung-hoa, và dịch sách ở Hán-tự để mà kê cứu. Gần đây, tôi lại nghe ở bên Paris, có lập trường Hán-học và thu tất cả « Tứ khố toàn thư » của Tàu, đem về để mà khảo cứu. Các ngài là người Á-đông, thì học cái học của Á đông chính là trách nhiệm của mình vậy. Nhà cựu học thì cách phê bình và cái thế lực truyền bá không bằng các ngài, các ngài đã tinh thâm Tây học, thì sự khảo cứu, sự phán đoán, ắt có phương-pháp. Tôi thiết tưởng các ngài sau khi học Tây học đã thành tài rồi, nên lấy cái thời giờ rảnh mà nghiên-cứu cái tinh lý của Hán-học cho được rộng. Sau các ngài lấy cái con mắt các nhà Tây học mà phán đoán và tả chân ra làm thành sách vở quốc ngữ để truyền lại nghĩa lý Hán-học cho người đời sau. Như thế, thì các ngài sẽ là một nhà « văn học cự thể » cả Âu lẫn Á mà có công cho học-giới sau này thật vô cùng vậy »

« Tôi chỉ trông rằng sau này sẽ có một ngày kia (!). học mới, học cũ cùng chung đúc lại một lò, mà thành ra một nền văn học riêng của Việt nam ta. thế thì con đường học vấn nước ta vinh hạnh biết là dường nào! nhưng mà, muốn cho đạt được cái sự ước ao ấy thì đương trông mong ở các ngài vậy ». (3)

Tôi đã trích cả một phần dài bài diễn thuyết trên đây vì nó có cái giá trị một tờ « biên bản — kèm thêm một tờ di-chúc — ghi tất cả các công việc mà phái cựu học phải làm trước khi thoái vị, và các công việc mà phái tân học sẽ phải làm sau này.

Chỉ tiếc rằng cái chương trình của diễn giả trong bài này không được đồng bào ta theo một cách triệt-để.

Về phái cựu học, ta đã thấy các ông Phan Kế-Bính, Đông-Châu, Tùng-Vân, Trần trọng Kim làm công việc bảo-tồn cái hương hỏa nho học,... ngày nay ta còn thấy những ông Ngô tất-Tố, Trúc-Khê tiếp tục những công việc lớp trên chưa làm xong... Còn phái tân học, nào những ai đã đứng lên để đảm nhận, cái việc bảo tồn nho học, đem cái học cũ và cái học mới ra dung-hòa để đúc chuốt nên một nền văn học không Tàu, không Tây, mà hoàn-toàn Việt-nam?

Nhân cuộc cách mệnh văn-học ngày nay, ta có sẽ thấy cái ước vọng của lớp nhà văn trước được thực hiện hay không?

(Hết)

LÊ-THANH

---

1) Cuộc phỏng vấn các nhà văn — *Lê-Thanh trang 57.*

2) Cuộc phỏng vấn các nhà văn — *Lê-Thanh, trang 13-15.*

(3) Đăng trong Nam-phong

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được: *Thượng cổ sử cực đồng* (Ấn-độ — Trung hoa) của ông Ng. đức Quỳnh đăng trong tạp chí văn mới số 32-34, giá 5$00 Hàn Thuyên xuất bản.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

TRI TÂN

Đã có bán

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HÙM

Một quyển sách quý trong « Tả sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm vĩ đại trong văn học-giới — Một thiên khảo cứu gồm thân thế và học thuyết Vương dương Minh mà ta có thể tự phụ rằng từ xưa đến nay khắp thế giới chưa có quyển nào được tinh tường hơn.

Sách dày ngót 500 trang — khổ lớn — có 3 bức địa đồ và 10 000 chữ Hán — Bìa in cho 5 màu. (Vì giấy khan nên chỉ in có 500 quyển) Giá 13$80.

Ở Hanoi sách chỉ bán tại nhà xuất bản

TÂN-VIỆT, 29, LAMBLOT — HANOI

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

CHẤN CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 27

Chàng dịu dàng nhìn lại và âu-yếm nói:

— Anh không có lòng nào nỡ hại em! Chỉ tại em cố bắt buộc trong khi đấu, đã nhiều lần anh toan quỳ xuống chân em cho em đắc thắng. Nhưng nghĩ lại, em đắc thắng rồi cũng uổng một đời. Xin em tha thứ cho anh! Kiếp này đã giở dang nhau, em khôn thiêng xin chờ anh với!

Chàng khóc thành tiếng và cầm lấy thanh kiếm toan bề tự sát. Nhưng Vân-Côi tinh ý nhanh-nhẹn giật ngay lấy kiếm và nghiêm-ngị bảo chàng:

— Không được: công-tử không có quyền! Làm một người con giai, nhất lại là một vị tráng-sĩ chính tông, không bao giờ được chết vì một người con gái! Người ta còn bao nhiêu công việc ở đời. Phải sống để mà giả nợ đời đã! Chết vì cha mẹ còn được! Chứ chết về một người con gái, là đồ lên mặt. Kim-Vân công-chúa đã chết về vang khi báo thù cha. Anh em ta đây đều phải cúi đầu cảm phục. Công-tử mà chết theo nàng tức là làm ô-danh đấy! Công-tử hà lại chịu làm ô danh con người công-tử yêu kính sao!

Nghe Vân-Côi nói, Đoàn-Văn bình tĩnh lại lau nước mắt, quỳ rạp xuống bên mình Kim-Vân ghé tai kêu khấn:

— Kim-Vân em ơi! Em linh thiêng trinh bạch, xin em tha thứ cho anh!

Mắt nàng chong lại, rồi từ-từ nhắm nghiền để hồn xa lìa hẳn cõi sống đầy cảnh đau lòng. Đoàn-Văn vuốt mắt cho nàng, rồi thân bế nàng đặt lên nằm cùng giường với Chương-Võ hoàng-đế Nguyễn-Nộn! Đặt hai người nằm song-song, phủ bức màn điều lên trên, rồi chàng quay ra hất hàm hỏi Vân-Côi nên sử trí thế nào? Vân-Côi nói:

— Công-tử làm cấp quá, chúng tôi không biết liệu trước gì cả. Bây giờ đã đến cơ sự này, cũng hơi khó...

Đoàn-Văn gắt:

Không khó gì cả. Rồi ra, ở ngoài các anh muốn làm thế nào thì làm! Ở đây, các anh em phải nhất luật tuân theo mệnh lệnh của tôi, anh em có bằng lòng.

Mọi người đang phấn khởi vì thái độ anh-hùng của chàng đều đồng thanh đáp:

— Xin tuân!

Đoàn-Văn cũng dạc nói:

— Theo ý tôi, cơ-sở họ Trần đã vững vàng lắm rồi, lòng dân đã bắt đầu theo họ, lòng người đã về tức là lòng giời về, vận nhà Lý thế là hết. Gia-dĩ cha tôi và bác tôi đây đều chết không được như ý, dân-gian đã không còn mấu cớ mà tin theo nữa, tôi tưởng tài giỏi đến đâu cũng khó lòng mà xoay lại nổi cơ-đồ, chẳng qua chỉ lại làm tàn dân hại vật! Vậy tôi muốn, ngay bây giờ, binh lính người ngoài chưa ai biết mọi việc vừa xảy ra, tôi xin anh em phóng lửa hỏa-táng hai kẻ bại trận nằm trên giường kia, rồi nhân thế phóng đốt cả cung điện dinh trại, làm như là một vụ hỏa-tai không ai ngờ gì nữa!

Vân-Côi nói:

— Nhưng mà... Thế là công-tử định thôi hẳn không chống nhau với họ Trần nữa?

— Phải, cái thế không sao địch lại được họ rồi, có kéo dài ra chỉ làm khổ dân!

— Vậy để chôn cất cho hai cha con Chương-Võ, rồi nhờ ngay Trần-Phi đây cầu hòa nộp đất cho họ, có phải hơn không?

— Nhưng tôi không muốn cho lộ chuyện! để cho người ngoài tưởng là chết vì hỏa tai, còn hơn là cho họ biết trong bọn tráng-sĩ mình lại thù giết lẫn nhau. Tôi chẳng qua là vì thù cha phải giả, chứ ai muốn!

Vân-Côi nói:

— Vâng! thế được, chúng tôi xin theo ý công-tử.

Hỏa-Đao cũng tiếp:

— Công-tử nghĩ cao thật! Làm chúng tôi cứ ngờ công-tử. Đoàn-Văn buồn mãi tiếp;

— Tôi đã nghĩ chơn rồi. Thù cha thì phải giả. Mà kể để Chương-

Võ sống cũng không còn được ích lợi gì nữa. Thế nào họ Trần rồi cũng thắng, nên tôi giốc chí báo thù. Tôi ngờ ngay từ đầu, rồi sang bên này mấy hôm là tôi nhận rõ cả tâm địa của họ. Nên tôi phải tỏ ra thân thiết với họ, giết hại những kẻ đưa đón với mình, thì họ mới tin thân mình, mới có ngày được dễ dàng như thế này chứ!

Ngừng một lúc, chàng nghiêm nghị truyền:

— Vậy ta làm việc ngay đi, nhân lúc mọi người đều ngủ cả không ai biết. Các anh lấm dầu đốt giường... Hồi Thịnh-Nguyễn về lấm dầu đốt lầu, mấy anh ở đây đốt cung, Tôi và Hòa-Đạo sang đốt điện, Ta cùng trông làm sao cho ngọn lửa lên đều là hay. Lúc ấy quân lính dân gian tỉnh dậy chỉ còn có việc mà chạy. Ta ra đốc xuất lính-canh cấm cho họ cướp bóc nhau và giữ cho trại ngoài khỏi cháy. Thế là được. Nào đi:

Mọi người đều răm-rắp tuân lệnh. Ba tên lính túc vệ thân-tín của Đoàn công-tử đem từ Bắn lên lúc ấy cũng được Thịnh-nguyên đánh thức giậy giúp việc. Đoàn-Văn lại vào giường ôm lấy mặt Kim-Vân công-chúa khóc một lúc, vừa khóc vừa khấn:

— Em sống tài hoa cao quý trong sạch, chết khôn thiêng, trinh-trắng, thần thông biến hóa xin em soi xét tấm lòng anh mà tha thứ cho anh.

Ngọn lửa ở bốn góc giường đã bốc lên ngùn-ngụt, Hòa-Đạo vội lôi giật Đoàn-Văn ra. Chàng vẫn còn cảm-động để cho nước mắt tuôn rơi, vẫn đăm đăm nhìn Kim Vân công-chúa không chớp, nhất là lúc ấy nét mặt nàng vẫn dịu dàng bình thản càng làm che chàng đau lòng lắm.

Bốn ngọn lửa dần-dần bốc to lên, biến hóa ra nhiều ngọn nữa, và sau cùng hợp làm một, để rồi lại tan ra làm ngọn, thiêu hết hai cái tử thi, thịt cháy sèo-sèo, mùi khét sông ra đầy phòng, ngạt ứ ở.

Mọi người đã ra ngoài cả, và theo như mệnh lệnh lúc nãy, ai làm việc ấy. Một lúc sau, mấy ngọn lửa ở mấy nơi cùng lem-lém luồn qua sà, bò qua tường, lần qua mái bốc lên. Thêm có dầu giúp sức, lại được làn gió tự đâu bốc đến thổi vào, những ngọn lửa được thỏa sức nhảy múa bốc lên ngùn-ngụt, sáng rực cả một góc giời. Trống lầu canh bỗng thúc liên-thanh, tiếng chuông tiếng mõ đồ vô bồi, tiếng kêu ầm ỹ của người vừa tỉnh giậy chạy tục thân, làm huyên-náo cả một khối đêm yên tĩnh. Kẻ chạy đi chạy lại sộn-sao. Quân lính cơ nào vệ ấy theo mạnh lệnh Đoàn công-tử, tay cầm cờ tiết bắt chạy ra quanh thành cứu hỏa những khu vực ở ngoài và ngăn giữ mọi sự hà hiếp. Vài người kiếm đang khát máu đưa ngang, vài cái đầu trải mệnh bị rụng. Đâu đấy đều răm-rắp bước lên gai, xông vào lửa theo tướng lệnh. Ngọn lửa vẫn vô tình bốc càng cao, thiêu càng dữ, nhà cửa lâu đài đổ ầm-ầm, gỗ nổ đôm đốp như sấm sét. Không còn một sức gì cản trở được lửa nữa. Trăm nghìn ngọn cùng bốc lên, cùng mũi mang cùng chen lấn nhau, cùng vươn tay lên mà kéo đổ những tường, những cột xuống mà san cho phẳng, mà giải cho đều. Trong khoảnh-khắc, cái khu thành trong bao nhiêu là lâu đài cung điện, đã phẳng sạch sành sanh, chỉ còn là một cái bể mông mênh vàng ối, những làn sóng lửa ào-ào chuyển đều sắm sắp theo chiều gió thổi, vô cùng kinh khủng. Có lẽ đây đã biến thành lò lửa của âm-cung!

Ở ngoài thành, tiếng kêu la ầm-ỹ, ồn-ào, nhưng ai nấy vẫn giữ thứ-tự, không lộn sộn, chạy các độ dạc và chống chọi với thần lửa không cho tràn ra ngoài thành. Sức người đã thắng. Cái bể lửa kia cạn dần cạn dần để phơi cái đáy đỏ ngòn.

Sức đỏ rực ở đây đã giảm, thì ở ngoài giời, phương đông đã đỏ rực rỡ, dần dần lấn áp dè bẹp sức sáng ở đám hỏa tai xuống. Giời đã bắt đầu mờ sáng.

Viết xong ngày 9 mai 1942

CHU-THIÊN

ĐÃ CÓ BÁN

NGUYỄN VĂN SIÊU

của NG. NHƯ THIỆP và NG. VĂN ĐỀ (tựa của quan Thượng Phạm Quỳnh và quan Lễ bộ thượng thư Ưng Bình Thúc giạ Thị)

Người mà vua Tự Đức đã tự phụ trong câu:

Văn như Siêu, Quát vô tiền Tấn *Giá 2$90*

Còn một số ít

Truyện đi thường I *Giá 4$50*
Tìm nghĩa văn học *— 2$20*
Triết học Aristote *— 3$80*
Ly Tao *— 6$00*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT
29 — Lamblot — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

= *HÀN THUYÊN* =

25 Juin có bán

VĂN HỌC

HÀN THUYÊN
71 Tiền Tsin
HANOI

KHÁI-LUẬN

Soạn giả : *ĐẶNG THAI MAI*

Văn học là gì các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì ? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao ? Nhiệm vụ của nhà văn là gì ? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không ? văn chương có cần phải giữ cốt tính quốc gia không ? Những thuộc-tính của một văn phẩm kiệt tác là những gì ?

ĐÃ CÓ BÁN

XÃ HỘI VIỆT-NAM
của Lương-đức Thiệp
Dày hơn 400 trang — Giá : 8$50

Mới xuất-bản

TRUNG-QUỐC
SỬ LƯỢC
của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất qui của bết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6$90 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Quảng-Vạn-Thành *phát hành sắp in xong*

ĐỜI ĐOÀN THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục : 1· Tư-đức và Công-đức — 2· Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4· Xã hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5· Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác ? — 7· Quan-niệm về xã-hội không được chính-sác gây ra những tệ-hại gì ? — 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào ? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12· Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Dùng cơ-quan nào dựng nên công-đức ở xã-hội ta.

Giá bán lẻ 2$00

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20% cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng-vạn-Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do : **Quảng-Vạn-Thành**
16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi